

CÔNG TY CP VẬN TẢI VÀ XẾP DỠ HẢI AN

Tầng 7 số 45 phố Triệu Việt Vương, Phường Bùi Thị Xuân, Quận Hai Bà Trưng, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ 4 NĂM 2015



Tổng Giám đốc

Tạ Mạnh Cường

Kế toán trưởng

Phạm Thị Hồng Nhung

Hà Nội, tháng 02 năm 2016

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI VÀ XẾP DỠ HẢI AN

Địa chỉ: Tầng 7, số 45 Triệu Việt Vương, phường Bùi Thị Xuân, quận Hai Bà Trưng, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ 4

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2015

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
A - TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		254,326,853,278	173,754,921,678
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	V.1	149,754,819,697	70,148,304,209
1. Tiền	111		34,158,984,081	18,367,541,704
2. Các khoản tương đương tiền	112		115,595,835,616	51,780,762,505
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		-	-
1. Chứng khoán kinh doanh	121		-	-
2. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh	122		-	-
3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123		-	-
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		75,021,485,398	63,396,958,329
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.3	62,327,916,098	53,488,208,995
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	V.4	1,674,670,341	4,618,614,714
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		-	-
4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134		-	-
5. Phải thu về cho vay ngắn hạn	135	V.5	2,000,000,000	5,000,000,000
6. Phải thu ngắn hạn khác	136	V.6a	9,183,732,571	405,518,148
7. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	V.7	(164,833,612)	(115,383,528)
8. Tài sản thiếu chờ xử lý	139		-	-
IV. Hàng tồn kho	140		10,282,989,087	12,944,679,371
1. Hàng tồn kho	141	V.8	10,282,989,087	12,944,679,371
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		-	-
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		19,267,559,096	27,264,979,769
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	V.9a	816,250,020	152,005,077
2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		18,448,153,676	25,346,568,515
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	V.15	3,155,400	1,766,406,177
4. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	154		-	-
5. Tài sản ngắn hạn khác	155		-	-

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI VÀ XẾP DỠ HẢI AN

Địa chỉ: Tầng 7, số 45 Triệu Việt Vương, phường Bùi Thị Xuân, quận Hai Bà Trưng, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ 4

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Bảng cân đối kế toán (tiếp theo)

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
B - TÀI SẢN DÀI HẠN	200		623,983,999,397	532,139,143,519
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		1,836,908,123	1,729,120,020
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211		-	-
2. Trả trước cho người bán dài hạn	212		-	-
3. Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc	213		-	-
4. Phải thu nội bộ dài hạn	214		-	-
5. Phải thu về cho vay dài hạn	215		-	-
6. Phải thu dài hạn khác	216	V.6b	1,836,908,123	1,729,120,020
7. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	219		-	-
II. Tài sản cố định	220		585,167,342,985	502,988,334,853
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.10	581,907,401,154	499,587,106,870
<i>Nguyên giá</i>	222		771,093,778,489	641,652,793,626
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	223		(189,186,377,335)	(142,065,686,756)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224		-	-
<i>Nguyên giá</i>	225		-	-
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	226		-	-
3. Tài sản cố định vô hình	227	V.11	3,259,941,831	3,401,227,983
<i>Nguyên giá</i>	228		4,945,015,236	4,945,015,236
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	229		(1,685,073,405)	(1,543,787,253)
III. Bất động sản đầu tư	230		-	-
<i>Nguyên giá</i>	231		-	-
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	232		-	-
IV. Tài sản dở dang dài hạn	240	V.12	17,502,407,891	14,143,924,707
1. Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn	241		-	-
2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242		17,502,407,891	14,143,924,707
V. Đầu tư tài chính dài hạn	250	V.2	10,000,866,500	10,976,212,500
1. Đầu tư vào công ty con	251		10,000,000,000	10,000,000,000
2. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252		-	-
3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		866,500	976,212,500
4. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254		-	-
5. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255		-	-
VI. Tài sản dài hạn khác	260		9,476,473,898	2,301,551,439
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.9b	9,476,473,898	2,301,551,439
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262		-	-
3. Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn	263		-	-
4. Tài sản dài hạn khác	268		-	-
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		878,310,852,675	705,894,065,197

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI VÀ XẾP DỠ HẢI AN

Địa chỉ: Tầng 7, số 45 Triệu Việt Vương, phường Bùi Thị Xuân, quận Hai Bà Trưng, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ 4

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Bảng cân đối kế toán (tiếp theo)

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
C - NỢ PHẢI TRẢ	300		370,686,683,242	280,581,148,090
I. Nợ ngắn hạn	310		137,753,043,396	86,303,949,347
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.13	33,899,264,669	19,471,210,881
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	V.14	383,606,600	91,742,723
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	V.15	13,847,962,224	551,646,095
4. Phải trả người lao động	314		5,126,436,134	1,278,908,117
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	V.16	507,299,865	533,793,317
6. Phải trả nội bộ ngắn hạn	316		-	-
7. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	317		-	-
8. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318		-	-
9. Phải trả ngắn hạn khác	319	V.17a	24,494,315,863	1,103,852,377
10. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	V.18a	48,372,200,394	56,434,623,190
11. Dự phòng phải trả ngắn hạn	321		-	-
12. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322	V.19	11,121,957,647	6,838,172,647
13. Quỹ bình ổn giá	323		-	-
14. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	324		-	-
II. Nợ dài hạn	330		232,933,639,846	194,277,198,743
1. Phải trả người bán dài hạn	331		-	-
2. Người mua trả tiền trước dài hạn	332		-	-
3. Chi phí phải trả dài hạn	333		-	-
4. Phải trả nội bộ về vốn kinh doanh	334		-	-
5. Phải trả nội bộ dài hạn	335		-	-
6. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	336		-	-
7. Phải trả dài hạn khác	337	V.17b	90,604,520,000	60,000,000,000
8. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	V.18b	142,329,119,846	134,277,198,743
9. Trái phiếu chuyển đổi	339		-	-
10. Cổ phiếu ưu đãi	340		-	-
11. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	341		-	-
12. Dự phòng phải trả dài hạn	342		-	-
13. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	343		-	-

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TÀI VÀ XẾP DỠ HẢI AN

Địa chỉ: Tầng 7, số 45 Triệu Việt Vương, phường Bùi Thị Xuân, quận Hai Bà Trưng, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ 4

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Bảng cân đối kế toán (tiếp theo)

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
D - NGUỒN VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		507,624,169,433	425,312,917,107
I. Vốn chủ sở hữu	410	V.20	507,624,169,433	425,312,917,107
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		231,962,320,000	231,962,320,000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		231,962,320,000	231,962,320,000
- Cổ phiếu ưu đãi	411b		-	-
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		58,788,380,922	58,788,380,922
3. Quyền chọn chuyển đổi trái phiếu	413		-	-
4. Vốn khác của chủ sở hữu	414		-	-
5. Cổ phiếu quỹ	415		(2,571,030,000)	(2,571,030,000)
6. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	416		-	-
7. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	417		-	-
8. Quỹ đầu tư phát triển	418		82,722,070,809	45,931,070,809
9. Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	419		-	-
10. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420		-	-
11. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		136,722,427,702	91,202,175,376
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		19,239,458,986	91,202,175,376
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		117,482,968,716	-
12. Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản	422		-	-
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-
1. Nguồn kinh phí	431		-	-
2. Nguồn kinh phí đã hình thành tài sản cố định	432		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		878,310,852,675	705,894,065,197

Người lập biểu


Trần Thị Thanh Hảo

Kế toán trưởng


Phạm Thị Hồng Nhung

Lập, ngày 02 tháng 02 năm 2016



Tổng Giám đốc

Tạ Mạnh Cường

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TÀI VÀ XẾP DỠ HẢI AN

Địa chỉ: Tầng 7, số 45 Triệu Việt Vương, phường Bùi Thị Xuân, quận Hai Bà Trưng, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ 4

của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

(Dạng đầu đủ)

Quý 4 của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

CHỈ TIÊU	Mã số	T. minh	Quý 4 năm nay	Quý 4 năm trước	Đơn vị tính: VND	
					Lũy kế từ đầu năm Năm nay	đến cuối kỳ này Năm trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.1	119,368,476,054	119,904,759,216	403,167,694,796	314,903,828,217
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02					
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		119,368,476,054	119,904,759,216	403,167,694,796	314,903,828,217
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.2	53,273,858,949	70,190,549,620	200,347,157,914	177,536,194,151
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		66,094,617,105	49,714,209,596	202,820,536,882	137,367,634,066
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.3	3,657,305,874	5,480,225,973	13,155,888,843	8,471,663,869
7. Chi phí tài chính	22	VI.4	2,483,674,770	3,659,414,955	12,594,632,906	7,796,142,668
Trong đó: chi phí lãi vay	23		1,599,024,304	1,679,116,307	4,354,678,671	5,555,661,561
8. Chi phí bán hàng	25					
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	VI.5	7,153,673,291	2,928,714,423	20,350,071,424	8,238,472,135
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		60,114,574,918	48,606,306,191	183,031,721,395	129,804,683,132
11. Thu nhập khác	31	VI.6	(268,421,680)	607,974,312	234,943,021	607,974,335
12. Chi phí khác	32	VI.7	1,163,178,450	2,085,758,116	5,215,846,621	1,493,083,281
13. Lợi nhuận khác	40		(1,431,600,130)	(1,477,783,804)	(4,980,903,600)	(885,108,946)
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		58,682,974,788	47,128,522,387	178,050,817,795	128,919,574,186
15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51		5,533,687,293	(7,748,809,431)	14,689,591,079	2,710,243,599
16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52		-	-	-	-
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		53,149,287,495	54,877,331,818	163,361,226,716	126,209,330,587

Người lập biểu



Trần Thị Thanh Hào

Kế toán trưởng



Phạm Thị Hồng Nhung



Tạ Mạnh Cường

510
CỔ
CÁI
VẬN
H
T

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TÀI VÀ XẾP DỠ HẢI AN

Địa chỉ: Tầng 7, số 45 Triệu Việt Vương, phường Bùi Thị Xuân, quận Hai Bà Trưng, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ 4

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

(Theo phương pháp gián tiếp)

Năm 2015

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã Thuyết số minh	Năm nay	
		Năm nay	Năm trước
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh			
1. Lợi nhuận trước thuế	01	178,050,817,795	128,919,574,186
2. Điều chỉnh cho các khoản:			
- Khấu hao tài sản cố định và bất động sản đầu tư	02	62,126,039,691	41,050,068,797
- Các khoản dự phòng	03	49,450,084	32,966,722
- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04	7,632,204,216	1,377,679,330
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05	(7,606,313,250)	(7,268,048,872)
- Chi phí lãi vay	06	4,354,678,671	5,555,661,561
- Các khoản điều chỉnh khác	07	-	-
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08	244,606,877,207	169,667,901,724
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09	(3,042,832,623)	(44,988,404,373)
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10	2,661,690,284	(10,950,575,720)
- Tăng, giảm các khoản phải trả	11	80,053,089,572	70,019,832,323
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12	(7,839,167,402)	(2,453,556,516)
- Tăng, giảm chứng khoán kinh doanh	13	-	-
- Tiền lãi vay đã trả	14	(4,195,965,150)	(5,497,599,931)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	(6,891,960,932)	(4,143,913,157)
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16	-	10,080,000
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17	(4,300,215,000)	(4,082,508,181)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	301,051,515,956	167,581,256,169
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư			
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	21	(153,396,170,847)	(276,871,540,778)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	22	2,090,909,092	600,000,000
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23	(2,000,000,000)	(5,000,000,000)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24	5,000,000,000	9,000,000,000
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25	-	-
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26	3,196,610,000	87,800,000
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	4,551,924,955	7,682,740,648
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	(140,556,726,800)	(264,501,000,130)

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI VÀ XẾP DỠ HẢI AN

Địa chỉ: Tầng 7, số 45 Triệu Việt Vương, phường Bùi Thị Xuân, quận Hai Bà Trưng, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ 4

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Báo cáo lưu chuyển tiền tệ (tiếp theo)

CHỈ TIÊU	Mã Thuyết số minh	Năm nay		Năm trước
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31	-	54,406,352,000	
2. Tiền trả lại vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32	-	-	
3. Tiền thu từ đi vay	33	74,966,208,750	133,533,926,640	
4. Tiền trả nợ gốc vay	34	(83,193,225,688)	(15,339,196,678)	
5. Tiền trả nợ gốc thuê tài chính	35	-	-	
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	(72,931,807,000)	(64,537,110,000)	
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	(81,158,823,938)	108,063,971,962	
Lưu chuyển tiền thuần trong năm	50	79,335,965,218	11,144,228,001	
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60 V.1	70,148,304,209	58,979,252,792	
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61	270,550,270	24,823,416	
Tiền và tương đương tiền cuối năm	70 V.1	149,754,819,697	70,148,304,209	

Người lập biểu

Trần Thị Thanh Hào

Kế toán trưởng

Phạm Thị Hồng Nhung

Lập, ngày 02 tháng 02 năm 2016

Tổng Giám đốc



Tạ Mạnh Cường

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI VÀ XẾP DỠ HẢI AN

Địa chỉ: Tầng 7, số 45 Triệu Việt Vương, phường Bùi Thị Xuân, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ 4

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ 4

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG

1. Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Vận tải và Xếp dỡ Hải An (sau đây gọi tắt là “Công ty”) là công ty cổ phần.

2. Lĩnh vực kinh doanh

Lĩnh vực kinh doanh của Công ty là dịch vụ.

3. Ngành nghề kinh doanh

Hoạt động kinh doanh chính của Công ty là: Cho thuê bãi, bốc xếp hàng hóa cảng biển, vận tải biển.

4. Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Công ty không quá 12 tháng.

5. Cấu trúc Công ty

Các Công ty con

Tên công ty	Địa chỉ trụ sở chính	Hoạt động kinh doanh chính	Tỷ lệ vốn góp	Tỷ lệ lợi ích	Tỷ lệ quyền biểu quyết
Công ty TNHH Cảng Hải An	Tầng 1, tòa nhà Hải An, Km 2 đường Đĩnh Vũ, phường Đông Hải 2, quận Hải An, thành phố Hải Phòng	Cung cấp dịch vụ cảng biển	100%	100%	100%
Công ty TNHH Vận tải Container Hải An	Tầng 5, tòa nhà Hải An, Km 2 đường Đĩnh Vũ, phường Đông Hải 2, quận Hải An, thành phố Hải Phòng	Dịch vụ vận tải	50,5%	54,2%	57,75%

Các Đơn vị trực thuộc không có tư cách pháp nhân hạch toán phụ thuộc

Công ty có đơn vị trực thuộc không có tư cách pháp nhân hạch toán phụ thuộc là Chi nhánh tại Thành phố Hồ Chí Minh - Công ty Cổ Phần Vận tải và Xếp dỡ Hải An, địa chỉ tại số 217 Nguyễn Văn Thủ, phường Đa Kao, quận 1, thành phố Hồ Chí Minh.

6. Tuyên bố về khả năng so sánh thông tin trên Báo cáo tài chính

Như đã trình bày tại thuyết minh số III.1, từ ngày 01 tháng 01 năm 2015 Công ty đã áp dụng Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn Chế độ kế toán doanh nghiệp thay thế Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính và Thông tư số 244/2009/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2009 của Bộ Tài chính. Một số số liệu năm trước trình bày trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015 không so sánh được với số liệu tương ứng của năm nay do áp dụng quy định của Thông tư này trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính. Các quy định có thay đổi ảnh hưởng đến số liệu so sánh trên Báo cáo tài chính của Công ty như sau:

Các hợp đồng hợp tác kinh doanh (gọi là “BCC”) đã được ký kết quy định các bên khác trong BCC chỉ được phân chia lợi nhuận nếu kết quả hoạt động của BCC có lãi, đồng thời phải gánh chịu lỗ. Theo đó, Công ty áp dụng phương pháp kế toán BCC chia doanh thu để ghi nhận doanh thu, chi

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI VÀ XẾP DỠ HẢI AN

Địa chỉ: Tầng 7, số 45 Triệu Việt Vương, phường Bùi Xuân, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ 4

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

phí và kết quả kinh doanh trong kỳ, đồng thời cung cấp bằng chứng về việc quyết toán thuế cho các bên khác, cụ thể:

- Ghi nhận trên Báo cáo kết quả kinh doanh phần doanh thu, chi phí và lợi nhuận tương ứng với phần được chia theo thỏa thuận của BCC; Lãi trên cổ phiếu và các chỉ tiêu phân tích tài chính chỉ được tính đối với phần doanh thu, chi phí và lợi nhuận được trình bày trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh; Công ty cung cấp bản sao các hồ sơ, tài liệu về việc đã thực hiện nghĩa vụ với NSNN của BCC cho các bên trong BCC để phục vụ việc quyết toán thuế của các bên khác trong BCC;
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối của Bảng cân đối kế toán chỉ bao gồm phần lợi nhuận sau thuế tương ứng của từng bên được hưởng.
- Các bên khác được ghi nhận trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh phần doanh thu, chi phí tương ứng với phần mình được chia từ BCC, báo cáo cơ quan thuế về việc khoản doanh thu, chi phí này đã được thực hiện nghĩa vụ thuế làm căn cứ điều chỉnh số thuế TNDN phải nộp.

7. Nhân viên

Tại ngày kết thúc năm tài chính Công ty có 27 nhân viên đang làm việc (số đầu năm là 6 nhân viên).

II. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

1. Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là Đồng Việt Nam (VND) do phần lớn các nghiệp vụ được thực hiện bằng đơn vị tiền tệ VND.

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Chế độ kế toán áp dụng

Ngày 22 tháng 12 năm 2014, Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 200/2014/TT-BTC hướng dẫn Chế độ kế toán doanh nghiệp thay thế Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính và Thông tư số 244/209/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2009 của Bộ Tài chính. Thông tư này có hiệu lực áp dụng cho năm tài chính bắt đầu vào hoặc sau ngày 01 tháng 01 năm 2015. Công ty áp dụng các chuẩn mực kế toán, Thông tư này và các thông tư khác hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

2. Tuyên bố về việc tuân thủ chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán

Ban Tổng Giám đốc đảm bảo đã tuân thủ yêu cầu của các chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 cũng như các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TÀI VÀ XẾP DỠ HẢI AN

Địa chỉ: Tầng 7, số 45 Triệu Việt Vương, phường Bùi Thị Xuân, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ 4

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Cơ sở lập Báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính được lập trên cơ sở kế toán dồn tích (trừ các thông tin liên quan đến các luồng tiền).

2. Các giao dịch bằng ngoại tệ

Các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh giao dịch. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc năm tài chính được quy đổi theo tỷ giá tại ngày này.

Chênh lệch tỷ giá phát sinh trong năm từ các giao dịch bằng ngoại tệ được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính. Chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc năm tài chính sau khi bù trừ chênh lệch tăng và chênh lệch giảm được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính.

Tỷ giá sử dụng để quy đổi các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ là tỷ giá giao dịch thực tế tại thời điểm phát sinh giao dịch. Tỷ giá giao dịch thực tế đối với các giao dịch bằng ngoại tệ được xác định như sau:

- Đối với hợp đồng mua bán ngoại tệ (hợp đồng mua bán ngoại tệ giao ngay, hợp đồng kỳ hạn, hợp đồng tương lai, hợp đồng quyền chọn, hợp đồng hoán đổi): tỷ giá ký kết trong hợp đồng mua, bán ngoại tệ giữa Công ty và ngân hàng.
- Đối với nợ phải thu: tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty chỉ định khách hàng thanh toán tại thời điểm giao dịch phát sinh.
- Đối với nợ phải trả: tỷ giá bán ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty dự kiến giao dịch tại thời điểm giao dịch phát sinh.
- Đối với các giao dịch mua sắm tài sản hoặc các khoản chi phí được thanh toán ngay bằng ngoại tệ (không qua các tài khoản phải trả): tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty thực hiện thanh toán.

Tỷ giá sử dụng để đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc năm tài chính được xác định theo nguyên tắc sau:

- Đối với các khoản ngoại tệ gửi ngân hàng: tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng nơi Công ty mở tài khoản ngoại tệ.
- Đối với các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được phân loại là tài sản khác: tỷ giá mua ngoại tệ của Ngân hàng TMCP Ngoại thương – Chi nhánh Hải Phòng (Ngân hàng Công ty thường xuyên có giao dịch).
- Đối với các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được phân loại là nợ phải trả: tỷ giá bán ngoại tệ của Ngân hàng Công ty thường xuyên có giao dịch.

3. Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt và tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn. Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi không quá 3 tháng kể từ ngày đầu tư, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền tại thời điểm báo cáo.

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI VÀ XẾP DỠ HẢI AN

Địa chỉ: Tầng 7, số 45 Triệu Việt Vương, phường Bùi Thị Xuân, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ 4

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

4. Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Khoản đầu tư được phân loại là nắm giữ đến ngày đáo hạn khi Công ty có ý định và khả năng giữ đến ngày đáo hạn. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm: các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn (bao gồm cả các loại tín phiếu, kỳ phiếu), trái phiếu, cổ phiếu ưu đãi bên phát hành bắt buộc phải mua lại tại một thời điểm nhất định trong tương lai và các khoản cho vay nắm giữ đến ngày đáo hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ và các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn khác.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm giá mua và các chi phí liên quan đến giao dịch mua các khoản đầu tư. Sau ghi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được ghi nhận theo giá trị có thể thu hồi. Thu nhập lãi từ các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn sau ngày mua được ghi nhận trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trên cơ sở dự thu. Lãi được hưởng trước khi Công ty nắm giữ được ghi giảm trừ vào giá gốc tại thời điểm mua.

Khi có các bằng chứng chắc chắn cho thấy một phần hoặc toàn bộ khoản đầu tư có thể không thu hồi được và số tổn thất được xác định một cách đáng tin cậy thì tổn thất được ghi nhận vào chi phí tài chính trong năm và giảm trừ trực tiếp giá trị đầu tư.

Các khoản cho vay

Các khoản cho vay được xác định theo giá gốc trừ các khoản dự phòng phải thu khó đòi. Dự phòng phải thu khó đòi của các khoản cho vay được lập căn cứ vào dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra.

Các khoản đầu tư vào công ty con

Công ty con

Công ty con là doanh nghiệp chịu sự kiểm soát của Công ty. Việc kiểm soát đạt được khi Công ty có khả năng kiểm soát các chính sách tài chính và hoạt động của doanh nghiệp nhận đầu tư nhằm thu được lợi ích kinh tế từ các hoạt động của doanh nghiệp đó.

Ghi nhận ban đầu

Các khoản đầu tư vào công ty con được ghi nhận ban đầu theo giá gốc, bao gồm giá mua hoặc khoản góp vốn cộng các chi phí liên quan trực tiếp đến việc đầu tư. Trường hợp đầu tư bằng tài sản phi tiền tệ, giá trị khoản đầu tư được ghi nhận theo giá trị hợp lý của tài sản phi tiền tệ tại thời điểm phát sinh.

Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ trước khi khoản đầu tư được mua được hạch toán giảm giá trị của chính khoản đầu tư đó. Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ sau khi khoản đầu tư được mua được ghi nhận doanh thu. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được.

Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư vào công ty con

Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư vào công ty con được trích lập khi công ty con bị lỗ với mức trích lập bằng chênh lệch giữa vốn góp thực tế của các bên tại công ty con và vốn chủ sở hữu thực có nhân với tỷ lệ góp vốn của Công ty so với tổng số vốn góp thực tế của các bên tại công ty con. Nếu công ty con là đối tượng lập Báo cáo tài chính hợp nhất thì căn cứ để xác định dự phòng tổn thất là Báo cáo tài chính hợp nhất.

Tăng, giảm số dự phòng tổn thất đầu tư vào công ty con cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào chi phí tài chính.

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TÀI VÀ XẾ DỠ HẢI AN

Địa chỉ: Tầng 7, số 45 Triệu Việt Vương, phường Bùi Thị Xuân, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ 4

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác

Đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác bao gồm các khoản đầu tư công cụ vốn nhưng Công ty không có quyền kiểm soát, đồng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư.

Các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác được ghi nhận ban đầu theo giá gốc, bao gồm giá mua hoặc khoản góp vốn cộng các chi phí trực tiếp liên quan đến hoạt động đầu tư. Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ trước khi khoản đầu tư được mua được hạch toán giảm giá trị của chính khoản đầu tư đó. Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ sau khi khoản đầu tư được mua được ghi nhận doanh thu. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được.

Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác được trích lập như sau:

- Đối với khoản đầu tư vào cổ phiếu niêm yết hoặc giá trị hợp lý khoản đầu tư được xác định tin cậy, việc lập dự phòng dựa trên giá trị thị trường của cổ phiếu.
- Đối với khoản đầu tư không xác định được giá trị hợp lý tại thời điểm báo cáo, việc lập dự phòng được thực hiện căn cứ vào khoản lỗ của bên được đầu tư với mức trích lập bằng chênh lệch giữa vốn góp thực tế của các bên tại đơn vị khác và vốn chủ sở hữu thực có nhân với tỷ lệ góp vốn của Công ty so với tổng số vốn góp thực tế của các bên tại đơn vị khác.

Tăng, giảm số dự phòng tổn thất đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào chi phí tài chính.

5. Các khoản phải thu

Các khoản nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Việc phân loại các khoản phải thu là phải thu khách hàng và phải thu khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải thu của khách hàng phản ánh các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua – bán giữa Công ty và người mua là đơn vị độc lập với Công ty, bao gồm cả các khoản phải thu về tiền bán hàng xuất khẩu ủy thác cho đơn vị khác.
- Phải thu khác phản ánh các khoản phải thu không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua – bán.

Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi căn cứ vào tuổi nợ quá hạn của các khoản nợ hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra, cụ thể như sau:

- Đối với nợ phải thu quá hạn thanh toán:
 - 30% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ trên 6 tháng đến dưới 1 năm.
 - 50% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 1 năm đến dưới 2 năm.
 - 70% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 2 năm đến dưới 3 năm.
 - 100% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 3 năm trở lên.
- Đối với nợ phải thu chưa quá hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi: căn cứ vào dự kiến mức tổn thất để lập dự phòng.

Tăng, giảm số dự phòng nợ phải thu khó đòi cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào chi phí quản lý doanh nghiệp.

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI VÀ XẾP DỠ HẢI AN

Địa chỉ: Tầng 7, số 45 Triệu Việt Vương, phường Bùi Thị Xuân, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ 4

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

6. Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá gốc hàng tồn kho được xác định như sau:

- Nguyên vật liệu, hàng hóa: bao gồm chi phí mua và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Giá gốc của hàng tồn kho được tính theo phương pháp nhập trước, xuất trước và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong kỳ sản xuất, kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập cho từng mặt hàng tồn kho có giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được. Tăng, giảm số dư dự phòng giảm giá hàng tồn kho cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào giá vốn hàng bán.

7. Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Chi phí trả trước của Công ty bao gồm các chi phí sau:

Công cụ, dụng cụ

Các công cụ, dụng cụ đã đưa vào sử dụng được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 2 năm.

Chi phí sửa chữa tài sản cố định

Chi phí sửa chữa tài sản phát sinh một lần có giá trị lớn được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng trong 3 năm.

8. Tài sản thuê hoạt động

Thuê tài sản được phân loại là thuê hoạt động nếu phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu tài sản thuộc về người cho thuê. Chi phí thuê hoạt động được phân ánh vào chi phí theo phương pháp đường thẳng cho suốt thời hạn thuê tài sản, không phụ thuộc vào phương thức thanh toán tiền thuê.

9. Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí phát sinh không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong năm.

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI VÀ XẾP DỠ HẢI AN

Địa chỉ: Tầng 7, số 45 Triệu Việt Vương, phường Bùi Thị Xuân, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ 4

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Số năm khấu hao của các loại tài sản cố định hữu hình như sau:

<u>Loại tài sản cố định</u>	<u>Số năm</u>
Nhà cửa, vật kiến trúc	8-20
Máy móc và thiết bị	5-10
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	6-8
Thiết bị, dụng cụ quản lý	5-8

10. Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Chi phí liên quan đến tài sản cố định vô hình phát sinh sau khi ghi nhận ban đầu được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ trừ khi các chi phí này gắn liền với một tài sản cố định vô hình cụ thể và làm tăng lợi ích kinh tế từ các tài sản này.

Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong năm.

Quyền sử dụng đất là toàn bộ các chi phí thực tế Công ty đã chi ra có liên quan trực tiếp tới đất sử dụng, bao gồm: tiền chi ra để có quyền sử dụng đất, chi phí cho đền bù, giải phóng mặt bằng, san lấp mặt bằng, lệ phí trước bạ... Quyền sử dụng đất được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong 35 năm.

11. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang phản ánh các chi phí liên quan trực tiếp (bao gồm cả chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Công ty) đến các tài sản đang trong quá trình xây dựng, máy móc thiết bị đang lắp đặt để phục vụ cho mục đích sản xuất, cho thuê và quản lý cũng như chi phí liên quan đến việc sửa chữa tài sản cố định đang thực hiện. Các tài sản này được ghi nhận theo giá gốc và không được tính khấu hao.

12. Hợp đồng hợp tác kinh doanh

Hoạt động kinh doanh đồng kiểm soát

Công ty ghi nhận trên Báo cáo tài chính các hợp đồng hợp tác kinh doanh dưới hình thức hoạt động kinh doanh đồng kiểm soát các nội dung sau:

- Giá trị tài sản mà Công ty hiện sở hữu.
- Các khoản nợ phải trả mà Công ty phải gánh chịu.
- Doanh thu được chia từ việc bán hàng hóa hoặc cung cấp dịch vụ của liên doanh.
- Các khoản chi phí phải gánh chịu.

13. Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được. Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả.

Việc phân loại các khoản phải trả là phải trả người bán, chi phí phải trả và phải trả khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TÀI VÀ XẾP DỠ HẢI AN

Địa chỉ: Tầng 7, số 45 Triệu Việt Vương, phường Bùi Thị Xuân, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ 4

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

- Phải trả người bán phản ánh các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với Công ty, bao gồm cả các khoản phải trả khi nhập khẩu thông qua người nhận ủy thác.
- Chi phí phải trả phản ánh các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã cung cấp cho người mua nhưng chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán và các khoản phải trả cho người lao động về tiền lương nghỉ phép, các khoản chi phí sản xuất, kinh doanh phải trích trước.
- Phải trả khác phản ánh các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được phân loại ngắn hạn và dài hạn trên Bảng cân đối kế toán căn cứ theo kỳ hạn còn lại tại ngày kết thúc năm tài chính.

14. **Vốn chủ sở hữu**

Vốn góp của chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực tế đã góp của các cổ đông.

Thặng dư vốn cổ phần

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch giữa giá phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành lần đầu hoặc phát hành bổ sung, chênh lệch giữa giá tái phát hành và giá trị sổ sách của cổ phiếu quỹ và cấu phần vốn của trái phiếu chuyển đổi khi đáo hạn. Chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành bổ sung cổ phiếu và tái phát hành cổ phiếu quỹ được ghi giảm thặng dư vốn cổ phần.

Cổ phiếu quỹ

Khi mua lại cổ phiếu do Công ty phát hành, khoản tiền trả bao gồm cả các chi phí liên quan đến giao dịch được ghi nhận là cổ phiếu quỹ và được phản ánh là một khoản giảm trừ trong vốn chủ sở hữu. Khi tái phát hành, chênh lệch giữa giá tái phát hành và giá sổ sách của cổ phiếu quỹ được ghi vào khoản mục "Thặng dư vốn cổ phần".

15. **Phân phối lợi nhuận**

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp được phân phối cho các cổ đông sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ của Công ty cũng như các quy định của pháp luật và đã được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

Việc phân phối lợi nhuận cho các cổ đông được cân nhắc đến các khoản mục phi tiền tệ nằm trong lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể ảnh hưởng đến luồng tiền và khả năng chi trả cổ tức như lãi do đánh giá lại tài sản mang đi góp vốn, lãi do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ, các công cụ tài chính và các khoản mục phi tiền tệ khác.

Cổ tức được ghi nhận là nợ phải trả khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

16. **Ghi nhận doanh thu và thu nhập**

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Khi hợp đồng quy định người mua được quyền trả lại dịch vụ đã mua theo những điều kiện cụ thể, doanh thu chỉ được ghi nhận khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại dịch vụ đã cung cấp.
- Công ty đã hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI VÀ XẾP DỠ HẢI AN

Địa chỉ: Tầng 7, số 45 Triệu Việt Vương, phường Bùi Thị Xuân, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ 4

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào thời điểm báo cáo.
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Trường hợp dịch vụ được thực hiện trong nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ được căn cứ vào kết quả phân công việc đã hoàn thành vào ngày kết thúc kỳ kế toán.

Tiền lãi

Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế từng kỳ.

Cổ tức và lợi nhuận được chia

Cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc lợi nhuận từ việc góp vốn. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được.

17. Chi phí đi vay

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay. Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí khi phát sinh.

18. Các khoản chi phí

Chi phí là những khoản làm giảm lợi ích kinh tế được ghi nhận tại thời điểm giao dịch phát sinh hoặc khi có khả năng tương đối chắc chắn sẽ phát sinh trong tương lai không phân biệt đã chi tiền hay chưa.

Các khoản chi phí và khoản doanh thu do nó tạo ra phải được ghi nhận đồng thời theo nguyên tắc phù hợp. Trong trường hợp nguyên tắc phù hợp xung đột với nguyên tắc thận trọng, chi phí được ghi nhận căn cứ vào bản chất và quy định của các chuẩn mực kế toán để đảm bảo phản ánh giao dịch một cách trung thực, hợp lý.

19. Thuế thu nhập doanh nghiệp

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp là thuế thu nhập hiện hành được tính dựa trên thu nhập tính thuế. Thu nhập tính thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán, các chi phí không được trừ cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập không phải chịu thuế và các khoản lỗ được chuyển.

20. Bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

21. Báo cáo theo bộ phận

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác.

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI VÀ XẾP DỠ HẢI AN

Địa chỉ: Tầng 7, số 45 Triệu Việt Vương, phường Bùi Xuân, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ 4

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Bộ phận theo khu vực địa lý là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh trong các môi trường kinh tế khác.

Thông tin bộ phận được lập và trình bày phù hợp với chính sách kế toán áp dụng cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính của Công ty.

22. Công cụ tài chính

Tài sản tài chính

Việc phân loại các tài sản tài chính này phụ thuộc vào bản chất và mục đích của tài sản tài chính và được quyết định tại thời điểm ghi nhận ban đầu. Các tài sản tài chính của Công ty gồm tiền và các khoản tương đương tiền, các khoản phải thu khách hàng, phải thu khác, các khoản cho vay, các công cụ tài chính được niêm yết và không được niêm yết.

Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, các tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến tài sản tài chính đó.

Nợ phải trả tài chính

Việc phân loại các khoản nợ phải trả tài chính phụ thuộc vào bản chất và mục đích của khoản nợ phải trả tài chính và được quyết định tại thời điểm ghi nhận ban đầu. Nợ phải trả tài chính của Công ty gồm các khoản phải trả người bán, vay và nợ, các khoản phải trả khác.

Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, các khoản nợ phải trả tài chính được ghi nhận ban đầu theo giá gốc trừ các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến nợ phải trả tài chính đó.

Bù trừ các công cụ tài chính

Các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính chỉ được bù trừ với nhau và trình bày giá trị thuần trên Bảng cân đối kế toán khi và chỉ khi Công ty:

- Có quyền hợp pháp để bù trừ giá trị đã được ghi nhận; và
- Có dự định thanh toán trên cơ sở thuần hoặc ghi nhận tài sản và thanh toán nợ phải trả cùng một thời điểm.

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI VÀ XẾP DỠ HẢI AN

Địa chỉ: Tầng 7, số 45 Triệu Việt Vương, phường Bùi Thị Xuân, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ 4

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

1. Tiền và các khoản tương đương tiền

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Tiền mặt	129.482.990	194.049.818
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	34.029.501.091	18.173.491.886
Các khoản tương đương tiền	115.595.835.616	51.780.762.505
Cộng	149.754.819.697	70.148.304.209

2. Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư tài chính của Công ty chỉ có đầu tư góp vốn vào đơn vị khác. Thông tin về các khoản đầu tư tài chính của Công ty như sau:

	Số cuối năm			Số đầu năm		
	Giá gốc	Dự phòng	Giá trị hợp lý	Giá gốc	Dự phòng	Giá trị hợp lý
Đầu tư vào công ty con	10.000.000.000		10.000.000.000	10.000.000.000		10.000.000.000
Công ty TNHH Cảng Hải An ⁽ⁱ⁾	10.000.000.000		10.000.000.000	10.000.000.000		10.000.000.000
Công ty TNHH Vận tải Container Hải An ⁽ⁱⁱ⁾						
Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	866.500		866.500	976.212.500		976.212.500
Công ty Cổ phần Cung ứng và Dịch vụ Kỹ thuật Hàng hải ⁽ⁱⁱⁱ⁾	864.000		864.000	976.210.000		976.210.000
Công ty Cổ phần MHC	2.500		2.500	2.500		2.500
Cộng	10.000.866.500		10.000.866.500	10.976.212.500		10.976.212.500

(i) Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh và đăng ký thuế số 0101126468 ngày 27 tháng 10 năm 2010 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Hải Phòng cấp, Công ty đầu tư vào Công ty TNHH Cảng Hải An là 10.000.000.000 VND. Công ty đã góp đủ 100% vốn điều lệ theo đăng ký kinh doanh..

(ii) Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty TNHH Hai thành viên trở lên số 0201655535 ngày 13 tháng 11 năm 2015 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hải Phòng cấp, Công ty đầu tư vào Công ty TNHH Vận tải Container Hải An số tiền 101.000.000.000 VND, tương ứng 50,5% vốn điều lệ. Tại ngày kết thúc năm tài chính, số tiền còn phải góp vốn vào Công ty TNHH Vận tải Container Hải An là 101.000.000.000 VND.

(iii) Trong năm Công ty đã mua thêm 3.000 cổ phiếu với giá mua là 12.000 và bán 269.600 cổ phiếu của Công ty cổ phần Cung ứng và Dịch vụ Kỹ thuật Hàng hải với giá bán là 12.000 VND. Tại ngày kết thúc năm tài chính, Công ty nắm giữ 72 cổ phiếu (số đầu năm là 266.672 cổ phiếu).

Giá trị hợp lý

Đối với các khoản đầu tư có giá niêm yết, giá trị hợp lý được xác định theo giá niêm yết tại ngày kết thúc năm tài chính. Công ty chưa xác định giá trị hợp lý của các khoản đầu tư không có giá niêm yết do chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý.

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI VÀ XẾP DỠ HẢI AN

Địa chỉ: Tầng 7, số 45 Triệu Việt Vương, phường Bùi Thị Xuân, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ 4

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Giao dịch với công ty con

Các giao dịch trọng yếu giữa Công ty với các công ty con và các đơn vị công ty đầu tư góp vốn như sau:

	Quý 4	
	Năm nay	Năm trước
Công ty TNHH Cảng Hải An		
Doanh thu về hoạt động khai thác cảng		
Phải trả về hoạt động khai thác cảng	1,392,938,902	1,329,644,784
Phải trả về hoạt động khai thác tàu	5,908,459,208	3,254,232,360
Phải trả hộ chi phí lương, khác		267,646,646
Thu tiền cung cấp dịch vụ	6,000,000,000	5,000,000,000
Cảng Hải An thu hộ công nợ của NYK	-	
Phải thu về lợi nhuận được chia	2,162,965,592	3,789,612,560
Công ty TNHH Vận tải container Hải An		
Phải thu về cho vay ngắn hạn	2,000,000,000	-
Công ty Cổ phần MHC		
Trả cổ tức	12,956,240,000	12,956,240,000
Công ty CP cung ứng và dịch vụ kỹ thuật hàng hải		
Phải thu về cung cấp dịch vụ		600,000,000
Trả nợ gốc vay	300,000,000	-
Trả cổ tức	2,920,802,000	2,940,802,000

3. Phải thu ngắn hạn của khách hàng

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Phải thu các bên liên quan	2.479.490.356	7.868.602.609
Công ty Cổ phần Transimex Sài Gòn	584.400.000	326.000.000
Chi nhánh Công ty Cổ phần Transimex Sài Gòn tại Hà Nội	197.495.000	7.500.000
Công ty Cổ phần Hàng hải Macs	158.700.000	95.400.000
Chi nhánh Công ty Cổ phần Hàng hải Macs tại Hải Phòng	14.600.000	9.300.000
Công ty TNHH MTV Vận tải và Dịch vụ Hàng hải Hải Phòng	4.300.000	47.600.000
Công ty TNHH Vận tải và Đại lý Vận tải Đa phương thức	142.358.413	1.177.546.058
Chi nhánh Công ty TNHH Vận tải và Đại lý Vận tải Đa phương thức tại Hải Phòng	1.141.878.593	4.780.087.242
Công ty TNHH Cảng Hải An	-	1.425.169.309
Công ty TNHH Đại lý và Tiếp vận Hải An	235.758.350	
Phải thu các khách hàng khác	59.848.425.742	45.619.606.386
Chi nhánh Công ty Cổ phần Giao nhận Vận tải Ngoại thương tại Hải Phòng	9.377.071.190	7.146.947.222
Pendulum Express Lines Pte Ltd	5.761.835.539	14.568.236.315
Các khách hàng khác	44.709.519.013	23.904.422.849
Cộng	62.327.916.098	53.488.208.995

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI VÀ XẾP DỠ HẢI AN

Địa chỉ: Tầng 7, số 45 Triệu Việt Vương, phường Bùi Thị Xuân, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ 4

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**4. Trả trước cho người bán ngắn hạn**

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
<i>Trả trước cho các bên liên quan</i>		
<i>Trả trước cho người bán khác</i>	1.674.670.341	4.618.614.714
Công ty Cổ phần Bê tông Vinaconex Phan Vũ	1.364.220.000	1.464.220.000
Tổng Công ty Bảo đảm An toàn Hàng Hải Miền Bắc	239.222.508	239.222.508
Man Diesel And Turbo Danish Branch Of Man Diesel And Turbo SE, Germany		740.669.367
Trung tâm Tư vấn Phát triển Công nghệ Xây dựng Hàng hải		700.000.000
Công ty Kirow Ardelt AG		515.789.082
Trung tâm xúc tiến đầu tư - Ban quản lý Khu kinh tế Hải Phòng		450.000.000
Các nhà cung cấp khác	71.227.833	508.713.757
Cộng	1.674.670.341	4.618.614.714

5. Phải thu về cho vay ngắn hạn

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
<i>Phải thu các bên liên quan</i>	2.000.000.000	5.000.000.000
Cho Công ty Cổ phần Đầu tư và Vận tải Hải Hà vay với lãi suất 6%/năm		5.000.000.000
Cho Công ty TNHH Vận tải Container Hải An vay với lãi suất 4,8%/năm	2.000.000.000	
<i>Phải thu các tổ chức và cá nhân khác</i>	-	-
Cộng	2.000.000.000	5.000.000.000

6. Phải thu ngắn hạn/dài hạn khác**6a. Phải thu ngắn hạn khác**

	<u>Số cuối kỳ</u>		<u>Số đầu năm</u>	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
<i>Phải thu các bên liên quan</i>	7.742.465.850		176.835.794	
Các khoản chi hộ			176.835.794	
Công ty TNHH Cảng Hải An - Lợi nhuận	7.742.465.850			
<i>Phải thu các tổ chức và cá nhân khác</i>	1.441.266.721		228.682.354	
Doanh thu tạm tính chưa xuất hóa đơn	1.142.993.034			
Tiền lãi dự thu	189.435.354		113.284.614	
Ký cược, ký quỹ	102.705.000		30.740.000	
Phải thu tiền bán chứng chỉ quỹ			40.499.751	
Các khoản phải thu ngắn hạn khác	6.133.333		44.157.989	
Cộng	9.183.732.571		405.518.148	

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI VÀ XẾP DỠ HẢI AN

Địa chỉ: Tầng 7, số 45 Triệu Việt Vương, phường Bùi Thị Xuân, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ 4

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**6b. Phải thu dài hạn khác**

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
<i>Phải thu các bên liên quan</i>		-		-
<i>Phải thu các tổ chức và cá nhân khác</i>	1.836.908.123		1.729.120.020	
Ký cược, ký quỹ	1.836.908.123		1.729.120.020	
Cộng	1.836.908.123		1.729.120.020	

7. Nợ xấu

	Thời gian quá hạn	Số cuối kỳ		Thời gian quá hạn	Số đầu năm	
		Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi		Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
<i>Các bên liên quan</i>						
<i>Các tổ chức và cá nhân khác</i>		164.833.612		164.833.612	49.450.084	
Công ty TNHH Vận Tải Hưng Thịnh – phải thu cung cấp dịch vụ	3 năm	65.089.486		2 năm	65.089.486	19.526.846
Công ty TNHH Vận tải Thương Mại Hoàng Gia – phải thu cung cấp dịch vụ	3 năm	99.744.126		2 năm	99.744.126	29.923.238
Cộng		164.833.612		164.833.612	49.450.084	

Tình hình biến động dự phòng nợ phải thu khó đòi như sau:

	Nợ phải thu ngắn hạn		Nợ phải thu dài hạn	Cộng
Số đầu năm		115.383.528		115.383.528
Trích lập dự phòng bổ sung		49.450.084		49.450.084
Hoàn nhập dự phòng				-
Số cuối năm		164.833.612	-	164.833.612

8. Hàng tồn kho

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Hàng mua đang đi trên đường			974.139.128	
Nguyên liệu, vật liệu	10.282.989.087		11.970.540.243	
Cộng	10.282.989.087		12.944.679.371	

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI VÀ XẾP DỖ HẢI AN

Địa chỉ: Tầng 7, số 45 Triệu Việt Vương, phường Bùi Thị Xuân, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ 4

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

9. Chi phí trả trước ngắn hạn/dài hạn

9a. Chi phí trả trước ngắn hạn

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Bảo hiểm chờ phân bổ	794.857.901	152.005.077
Công cụ dụng cụ	21.392.119	
Cộng	816.250.020	152.005.077

9b. Chi phí trả trước dài hạn

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Chi phí sửa chữa thiết bị	2.501.849.850	2.247.911.439
Chi phí lên đà tàu Hải An Park	6.940.067.232	
Công cụ dụng cụ	34.556.816	53.640.000
Cộng	9.476.473.898	2.301.551.439

10. Tài sản cố định hữu hình

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc và thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Cộng
Nguyên giá					
Số đầu năm	198.406.043.461	262.668.036.132	180.545.214.033	33.500.000	641.652.793.626
Đầu tư XDCB hoàn thành	620.341.408	12.925.015.786	136.450.694.105	41.636.364	150.037.687.663
Thanh lý, nhượng bán		(20.596.702.800)			(20.596.702.800)
Số cuối năm	199.026.384.869	254.996.349.118	316.995.908.138	75.136.364	771.093.778.489

Trong đó:

Đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng

Chờ thanh lý

Giá trị hao mòn

Số đầu năm	55.174.858.865	78.657.572.419	8.199.755.472	33.500.000	142.065.686.756
Khấu hao trong năm	12.810.311.001	27.459.322.144	21.702.398.168	12.722.226	61.984.753.539
Thanh lý, nhượng bán		(14.864.062.960)			(14.864.062.960)
Số cuối năm	67.985.169.866	91.252.831.603	29.902.153.640	46.222.226	189.186.377.335

Giá trị còn lại

Số đầu năm	143.231.184.596	184.010.463.713	172.345.458.561	-	499.587.106.870
Số cuối năm	131.041.215.003	163.743.517.515	287.093.754.498	28.914.138	581.907.401.154

Trong đó:

Tạm thời chưa sử dụng

Đang chờ thanh lý

11. Tài sản cố định vô hình

Là quyền sử dụng đất có thời hạn

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI VÀ XẾP DỠ HẢI AN

Địa chỉ: Tầng 7, số 45 Triệu Việt Vương, phường Bùi Thị Xuân, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ 4

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

	<u>Nguyên giá</u>	<u>Hao mòn lũy kế</u>	<u>Giá trị còn lại</u>
Số đầu năm	4.945.015.236	1.543.787.253	3.401.227.983
Tăng trong năm		141.286.152	(141.286.152)
Giảm trong năm			-
Số cuối năm	4.945.015.236	1.685.073.405	3.259.941.831

12. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

	<u>Số đầu năm</u>	<u>Chi phí phát sinh trong năm</u>	<u>Kết chuyển vào TSCĐ trong năm</u>	<u>Kết chuyển giảm khác</u>	<u>Số cuối kỳ</u>
Mua sắm tài sản cố định	10.625.015.786	153.134.750.324	149.417.346.255	.	14.342.419.855
Xây dựng cơ bản dở dang	793.106.272	1.665.795.953	620.341.408	1.429.469.908	409.090.909
Cải tạo mở rộng cầu cảng	793.106.272	636.363.636		1.429.469.908	-
Công trình Dự án Cát Hải		409.090.909			409.090.909
Công trình xây dựng nhà kho		620.341.408	620.341.408		-
Sửa chữa lớn tài sản cố định	2.725.802.649	10.435.195.326		10.410.100.848	2.750.897.127
Cộng	14.143.924.707	165.235.741.603	150.037.687.663	11.839.570.756	17.502.407.891

13. Phải trả người bán ngắn hạn

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số cuối kỳ</u>
Phải trả các bên liên quan	422.949.905	4.970.972.516
Công ty Cổ phần Đầu tư và Vận tải Hải Hà	227.554.205	
Công ty Cổ phần Dịch vụ Tổng hợp Hải An	163.935.700	37.380.000
Chi nhánh Công ty TNHH Vận tải và Đại lý vận tải Đa phương thức tại Hải Phòng	29.700.000	
Công ty Cổ phần Transimex Sài Gòn	1.760.000	1.360.000
Công ty TNHH Đại lý và Tiếp vận Hải An		4.741.482.516
Công ty TNHH Một thành viên Vận tải và Dịch vụ hàng hải Hải Phòng		190.750.000
Phải trả các nhà cung cấp khác	33.476.314.764	14.500.238.365
Công ty Liên doanh Phát triển tiếp vận số 1	8.357.137.092	2.658.172.796
South Horizons International Petroleum (S) Pte Ltd	7.634.737.981	5.003.457.207
Các nhà cung cấp khác	17.484.439.691	6.838.608.362
Cộng	33.899.264.669	19.471.210.881

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI VÀ XẾP DỠ HẢI AN

Địa chỉ: Tầng 7, số 45 Triệu Việt Vương, phường Bùi Thị Xuân, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ 4

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

14. Người mua trả tiền trước ngắn hạn

	Số cuối năm	Số cuối kỳ
<i>Trả trước của các bên liên quan</i>	<i>26.900.000</i>	-
Công ty Cổ phần Hải Minh	26.900.000	
<i>Trả trước của các khách hàng khác</i>	<i>356.706.600</i>	<i>91.742.723</i>
Công ty TNHH T29	93.417.000	
Công ty Cổ phần Hàng Hải Sài Gòn	77.300.000	
Công ty TNHH Zen Phương Hoàng		28.800.000
Công ty TNHH Thương mại và Giao nhận Tùng Đạt		20.800.000
Công ty Cổ phần Thương mại An Mỹ Đức	100.000	19.200.000
Công ty Cổ phần Thương mại và Hàng Hải Sài Gòn	200.000	10.000.000
Các khách hàng khác	185.689.600	12.942.723
Cộng	383.606.600	91.742.723

15. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	Số đầu năm		Số phát sinh trong năm		Số cuối kỳ	
	Phải nộp	Phải thu	Số phải nộp	Số đã thực nộp	Phải nộp	Phải thu
Thuế GTGT hàng nhập khẩu			15.190.918.640	15.190.918.640	-	
Thuế xuất, nhập khẩu		(3.155.400)	170.321.155	170.321.155		(3.155.400)
Thuế thu nhập doanh nghiệp	17.859.217	(1.763.250.777)	21.659.593.782	6.891.960.932	13.022.241.290	
Thuế thu nhập cá nhân	533.786.878		2.540.382.884	2.248.448.828	825.720.934	
Tiền thuê đất			1.118.978.537	1.118.978.537	-	
Thuế bảo vệ môi trường			280.170.000	280.170.000	-	
Các loại thuế khác			3.000.000	3.000.000	-	
Cộng	551.646.095	(1.766.406.177)	40.963.364.998	25.903.798.092	13.847.962.224	(3.155.400)

Thuế giá trị gia tăng

Công ty nộp thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ. Thuế suất thuế giá trị gia tăng như sau:

Xếp dỡ cho các tàu nước ngoài, cước biển, cước tàu chạy nước ngoài	0%
Cung cấp nước ngọt	5%
Các hoạt động vận tải, xếp dỡ khác	10%

Thuế xuất, nhập khẩu

Công ty kê khai và nộp theo thông báo của Hải quan.

Thuế thu nhập doanh nghiệp

Hoạt động khai thác cảng của Công ty Cổ Phần vận tải và xếp dỡ Hải An được hưởng thuế suất ưu đãi: 10% trong thời hạn mười lăm năm (15 năm) từ năm đầu doanh nghiệp có doanh thu từ hoạt động được hưởng ưu đãi thuế (năm 2011) theo Điểm 3 phần B, điểm 1.3 và điểm 6 mục II phần H Thông tư 130/2008/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 26 tháng 12 năm 2008.

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TÀI VÀ XẾ DỠ HẢI AN

Địa chỉ: Tầng 7, số 45 Triệu Việt Vương, phường Bùi Thị Xuân, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ 4

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Thời hạn ưu đãi: Miễn thuế TNDN 04 năm, giảm 50% số thuế phải nộp trong 9 năm tiếp theo kể từ năm 2011 theo Điểm 1.3 Mục III Phần H Thông tư 130/2008/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 26 tháng 12 năm 2008.

Thu nhập từ các hoạt động khác phải nộp thuế thu nhập doanh nghiệp với thuế suất 22%.

Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp trong năm được dự tính như sau:

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	178.050.817.795	128.919.574.186
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận chịu thuế thu nhập doanh nghiệp:	(2.285.293.361)	(759.674.109)
- Các khoản điều chỉnh tăng	2.189.561.682	3.029.938.451
- Các khoản điều chỉnh giảm	(4.474.855.043)	(3.789.612.560)
Thu nhập chịu thuế	175.765.524.434	128.159.900.077
Thu nhập được miễn thuế		
Lỗi các năm trước được chuyển		
Thu nhập tính thuế	175.765.524.434	128.159.900.077
Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp	22%	22%
Trong đó:		
- Hoạt động khai thác cảng	142.181.089.578	119.530.117.843
- Hoạt động khai thác tàu	33.584.434.856	8.629.782.234
Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp theo thuế suất phổ thông	38.668.415.375	28.195.178.017
Thuế thu nhập doanh nghiệp chênh lệch do áp dụng thuế suất khác thuế suất phổ thông	(17.061.730.749)	(14.343.614.141)
Thuế thu nhập doanh nghiệp được miễn, giảm	(7.109.054.479)	(11.953.011.785)
Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp	14.497.630.147	1.898.552.091
Điều chỉnh thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp của các năm trước	191.960.932	811.691.508
Tổng Thuế thu nhập doanh nghiệp còn phải nộp	14.689.591.079	2.710.243.599
Thuế nộp hộ các bên hợp tác kinh doanh	6.970.002.703	
Tổng thuế phải nộp	21.659.593.782	

Việc xác định thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp của Công ty được căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và các quy định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau. Do vậy số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính có thể sẽ thay đổi khi cơ quan thuế kiểm tra.

Theo Luật số 32/2013/QH13 về sửa đổi bổ sung một số điều của Luật thuế thu nhập doanh nghiệp được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam khóa XIII kỳ họp thứ 5 thông qua ngày 19 tháng 6 năm 2013, thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp phổ thông giảm từ 22% xuống còn 20% từ ngày 01 tháng 01 năm 2016.

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI VÀ XẾP DỠ HẢI AN

Địa chỉ: Tầng 7, số 45 Triệu Việt Vương, phường Bùi Thị Xuân, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ 4

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Tiền thuê đất

Tiền thuê đất được nộp theo thông báo của cơ quan thuế.

Các loại thuế khác

Công ty kê khai và nộp theo quy định.

16. Chi phí phải trả ngắn hạn

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
<i>Phải trả các bên liên quan</i>		<i>306.000.000</i>
Thù lao hội đồng quản trị, ban kiểm soát		306.000.000
<i>Phải trả các tổ chức và cá nhân khác</i>	<i>507.299.865</i>	<i>227.793.317</i>
Chi phí lãi vay phải trả	386.506.838	227.793.317
Tiền thuê đất	120.793.027	
Cộng	<u>507.299.865</u>	<u>533.793.317</u>

17. Phải trả ngắn hạn/dài hạn khác

17a. Phải trả ngắn hạn khác

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
<i>Phải trả các bên liên quan</i>	<i>24.180.552.772</i>	-
Công ty Cổ phần Transimex Sài Gòn - Lãi hợp tác kinh doanh	8.313.405.995	-
Công ty TNHH Vận tải và Đại lý Vận tải Đa Phương thức - Lãi hợp tác kinh doanh	6.236.149.932	-
Công ty Cổ phần MHC - Lãi hợp tác kinh doanh	3.555.106.308	-
Công ty TNHH Đại lý và Tiếp vận Hải An - Lãi hợp tác kinh doanh	3.972.922.696	-
Công ty Cổ phần Hàng Hải Macs - Lãi hợp tác kinh doanh	2.102.967.841	-
<i>Phải trả các đơn vị và cá nhân khác</i>	<i>313.763.091</i>	<i>1.103.852.377</i>
Kinh phí công đoàn	1.955.100	
Bảo hiểm xã hội	30.381.000	198.537
Bảo hiểm y tế	5.258.267	312.796
Bảo hiểm thất nghiệp	7.368.724	5.031.724
Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn		10.000.000
Cổ tức, lợi nhuận phải trả	268.800.000	633.220.000
Công ty TNHH Dịch vụ hàng hải Jardine (Việt Nam) - Tiền chuyển nhằm tài khoản		455.089.320
Cộng	<u>24.494.315.863</u>	<u>1.103.852.377</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI VÀ XẾP DỠ HẢI AN

Địa chỉ: Tầng 7, số 45 Triệu Việt Vương, phường Bùi Thị Xuân, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ 4

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**17b. Phải trả dài hạn khác**

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Phải trả các bên liên quan vốn hợp tác kinh doanh	90.604.520.000	60.000.000.000
Công ty Cổ phần Transimex Sài Gòn	32.915.900.000	20.000.000.000
Công ty TNHH Vận tải và Đại lý Vận tải Đa Phương thức	24.688.620.000	15.000.000.000
Công ty Cổ phần MHC	10.000.000.000	10.000.000.000
Công ty TNHH Đại lý và Tiếp vận Hải An	14.500.000.000	10.000.000.000
Công ty Cổ phần Hàng Hải Macs	8.500.000.000	5.000.000.000
Phải trả các tổ chức và cá nhân khác	-	-
Cộng	90.604.520.000	60.000.000.000

18. Vay ngắn hạn/dài hạn**18a. Vay ngắn hạn**

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Vay ngắn hạn phải trả các bên liên quan	1.742.320.325	4.392.320.325
Công ty Cổ phần Cung ứng và Dịch vụ Kỹ thuật hàng Hải ⁽ⁱ⁾	1.742.320.325	4.392.320.325
Vay ngắn hạn phải trả các tổ chức và cá nhân khác	46.629.880.069	52.042.302.865
Vay dài hạn đến hạn trả		
Ngân hàng Bảo Việt - Hội sở chính	12.510.540.270	38.129.251.080
Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam - CN Hải Phòng	25.506.264.000	8.850.078.000
Ngân hàng TMCP Tiên Phong	7.117.894.879	5.062.973.785
Ngân hàng TMCP Quân đội Việt Nam	1.495.180.920	
Cộng	48.372.200.394	56.434.623.190

(i) Khoản vay Công ty Cổ phần Cung ứng và Dịch vụ Kỹ thuật Hàng Hải theo hợp đồng số 01/HĐ ngày 5/1/2008 của Công ty Cổ phần Đóng mới và Sửa chữa tàu Hải An để phục vụ nhu cầu hoạt động sản xuất kinh doanh với lãi suất theo lãi suất cho vay của ngân hàng tại từng thời điểm, thời hạn vay 01 năm. Sau khi sáp nhập Công ty Cổ phần Đóng mới và Sửa chữa tàu Hải An, Công ty kế thừa lại khoản vay..

Chi tiết số phát sinh về các khoản vay ngắn hạn trong năm như sau:

	<u>Số đầu năm</u>	<u>Số tiền vay phát sinh trong năm</u>	<u>Kết chuyển từ vay và nợ dài hạn</u>	<u>Tăng khác do CLTG</u>	<u>Số tiền vay đã trả trong năm</u>	<u>Số cuối kỳ</u>
Vay ngắn hạn phải trả các bên liên quan	4.392.320.325	-	-	-	2.650.000.000	1.742.320.325
Công ty Cổ phần Cung ứng và Dịch vụ Kỹ thuật hàng Hải (i)	4.392.320.325				2.650.000.000	1.742.320.325
Vay ngắn hạn phải trả các tổ chức và cá nhân khác	52.042.302.865	-	59.522.526.986	1.784.920.466	66.719.870.248	46.629.880.069
Vay dài hạn đến hạn trả	52.042.302.865		59.522.526.986	1.784.920.466	66.719.870.248	46.629.880.069

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI VÀ XẾP DỠ HẢI AN

Địa chỉ: Tầng 7, số 45 Triệu Việt Vương, phường Bùi Thị Xuân, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ 4

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

	Số đầu năm	Số tiền vay phát sinh trong năm	Kết chuyển từ vay và nợ dài hạn	Tăng khác do CLTG	Số tiền vay đã trả trong năm	Số cuối kỳ
trả						
Ngân hàng Bảo Việt - Hội sở chính	38.129.251.080		25.727.919.267	1.086.091.830	52.432.721.907	12.510.540.270
Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam - CN Hải Phòng	8.850.078.000		25.298.786.000	439.153.500	9.081.753.500	25.506.264.000
Ngân hàng TMCP Tiên Phong	5.062.973.785		7.002.631.719	257.684.216	5.205.394.841	7.117.894.879
Ngân hàng TMCP Quân đội Việt Nam	-		1.493.190.000	1.990.920		1.495.180.920
Cộng	56.434.623.190	-	59.522.526.986	1.784.920.466	69.369.870.248	48.372.200.394

18b. Vay dài hạn

	Số cuối năm	Số cuối kỳ
Vay dài hạn phải trả các bên liên quan		
Vay dài hạn phải trả các tổ chức và cá nhân khác	142.329.119.846	134.277.198.743
Vay dài hạn ngân hàng		
Ngân hàng Bảo Việt - Hội Sở chính ⁽ⁱ⁾	31.258.939.150	67.800.460.130
Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam - CN Hải Phòng ⁽ⁱⁱ⁾	83.735.513.960	39.474.212.398
Ngân hàng TMCP Tiên Phong Việt Nam - CN Hà Nội ⁽ⁱⁱⁱ⁾	21.353.683.961	27.002.526.215
Ngân hàng TMCP Quân đội ^(iv)	5.980.982.775	
Cộng	142.329.119.846	134.277.198.743

- (i) Vay Ngân hàng TMCP Bảo Việt - Hội sở chính theo Hợp đồng tín dụng doanh nghiệp số 251.2010.HĐTD ngày 20/05/2010, số tiền vay 6.000.000 USD, mục đích thanh toán L/C và nhập khẩu máy móc thiết bị cho dự án đầu tư xây dựng bến Container Hải An - Hải Phòng, thời hạn 72 tháng, lãi suất 7,5%/năm, khoản vay được đảm bảo bằng tài sản hình thành từ dự án.
- (ii) Vay ngân hàng TMCP Bảo Việt - Hội sở chính theo Hợp đồng tín dụng số 0034.2014/HDDTD1/BVB-TTKD ngày 20/3/2014; số tiền 2.500.000 USD; mục đích bổ sung vốn mua tàu Container; thời hạn vay 60 tháng, thời gian ân hạn 6 tháng; lãi suất 4,5%/năm tại thời điểm giải ngân. Định kỳ điều chỉnh lãi suất 3 tháng /lần, các kỳ sau điều chỉnh bằng lãi suất huy động USD 12 tháng trả sau do Bảo Việt Bank công bố cộng biên độ 3,25%/năm. Khoản vay được đảm bảo bằng tài sản hình thành từ vốn vay, 4 xe nâng hàng, 2 cần trục loại chân đế kiểu quay, tài sản trên đất là các công trình xây dựng thuộc dự án kinh doanh cảng Container Hải An.
- (iii) Vay Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - CN Hải Phòng theo Hợp đồng tín dụng trung hạn số DA02/2014/VCB-HA ngày 11/4/2014, số tiền vay: 2.000.000 USD, mục đích vay để mua 01 cần trục chân đế Kirow Ardelt GmbH, thời hạn vay 54 tháng, thời gian ân hạn: 6 tháng, lãi suất tính theo lãi suất tiết kiệm kỳ hạn 12 tháng USD loại lãi trả sau + lãi suất biên tối thiểu là 2,9%/năm nhưng không thấp hơn lãi suất cho vay ngắn hạn USD tại thời điểm thay đổi lãi suất

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TÀI VÀ XẾP DỠ HẢI AN

Địa chỉ: Tầng 7, số 45 Triệu Việt Vương, phường Bùi Thị Xuân, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ 4

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

theo thông báo của Vietcombank trong từng thời kỳ, khoản vay được bảo đảm bằng tài sản sau đầu tư từ nguồn vốn vay và vốn tự có hệ thống 01 cần trục chân đế Kirow Ardelt GMBH.

- (iii) Vay ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - CN Hải Phòng, theo Hợp đồng tín dụng trung hạn số DA/2014/VCB-HA ngày 20/01/2014, số tiền vay: 442.000 USD, mục đích thanh toán tiền mua 2 xe nâng PPM Terex, thời gian ân hạn: 6 tháng, thời gian trả nợ gốc: 54 tháng theo lịch trả nợ kèm theo Hợp đồng, Lãi suất cho vay là lãi suất tiết kiệm kỳ hạn 12 tháng USD loại trả lãi sau+ lãi suất biên tối thiểu là 2,9%/năm, 3 tháng điều chỉnh 1 lần, khoản vay được bảo đảm bởi tài sản đầu tư từ nguồn vốn vay và vốn tự có là hệ thống 02 xe nâng PPM Terex.
- (iv) Vay ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam- CN Hải Phòng, theo hợp đồng tín dụng số 2015/DA/HĐTĐ/VCB-HA ngày 22/9/2015, số tiền vay: 3.000.000 USD, mục đích vay để thanh toán chi phí hợp pháp, hợp lý, hợp lệ (không bao gồm thuế giá trị gia tăng) để thực hiện Dự án do bên vay làm chủ đầu tư, thời hạn cho vay là 60 tháng kể từ ngày giải ngân đầu tiên, thời gian ân hạn nợ gốc là 3 tháng kể từ ngày giải ngân đầu tiên, thời hạn trả nợ là 57 tháng kể từ ngày kết thúc thời gian ân hạn. Lãi suất được xác định theo công thức: Năm đầu tiên áp dụng lãi suất cố định là 3,8 %/năm tính từ ngày giải ngân đầu tiên, những năm tiếp theo áp dụng lãi suất bằng lãi suất kỳ hạn Libor kỳ hạn 6 tháng + 3,5%/năm, sau 12 tháng kể từ ngày giải ngân đầu tiên lãi suất cho vay được điều chỉnh 3 tháng một lần và áp dụng cho toàn bộ số dư nợ gốc thực tế của Hợp đồng tín dụng. Khoản vay được bảo đảm bằng thế chấp tài sản sau đầu tư từ nguồn vốn vay và vốn tự có là Tàu Container HAIAN TIME của Dự án.
- (v) Vay Ngân hàng TMCP Tiên Phong - Chi nhánh Hà Nội theo Hợp đồng tín dụng doanh nghiệp số 25-10.14/HĐTĐ/TPB.HTH ngày 16/10/2014, số tiền vay: 1.500.000 USD, mục đích mua con tàu CAPE SANTIAGO, thời hạn vay: 60 tháng, lãi suất áp dụng tại thời điểm nhận nợ, điều chỉnh định kỳ 3 tháng một lần và bằng Lãi suất tiết kiệm cá nhân 12 tháng trả lãi cuối kỳ đối với USD của TPBank tại thời điểm điều chỉnh cộng biên độ được quy định bởi TPBank tại từng thời kỳ theo đối tượng khách hàng, tương ứng thời điểm thay đổi lãi suất. Khoản vay được bảo đảm bằng Quyền mua bán tàu CAPE SANTIAGO.
- (vi) Vay ngân hàng TMCP Quân Đội - Chi nhánh Sở giao dịch 1 theo hợp đồng cấp tín dụng số 66755.15.002.2486868.TD ngày 25/10/2015, số tiền vay: 309.400 EURO, mục đích vay thanh toán LC nhập khẩu 2 máy nâng container trục xoay, thời hạn vay 60 tháng kể từ ngày giải ngân đầu tiên, lãi suất cho vay xác định bằng lãi suất tiết kiệm dân cư USD kỳ hạn 12 tháng cộng biên độ 2%/năm. Khoản vay được bảo đảm bằng máy móc thiết bị gồm: 01 máy container trục xoay model: TEREX TFC45R, xuất xứ Pháp Series number: 175467, Sản xuất : 2009, nặng 45.000 kg và 01 máy container trục xoay model: DRF420 - 60S, xuất xứ Pháp Series number: A11300405, Sản xuất : 2010, nặng 42.000 kg.

Công ty có khả năng trả được các khoản vay dài hạn.

Kỳ hạn thanh toán các khoản vay dài hạn như sau:

	Tổng nợ	Từ 1 năm trở xuống	Trên 1 năm đến 5 năm	Trên 5 năm
Số cuối năm				
Ngân hàng Bảo Việt - Hội Sở chính	43.769.479.420	12.510.540.270	31.258.939.150	
Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam - CN Hải Phòng	109.241.777.960	25.506.264.000	83.735.513.960	

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TÀI VÀ XẾP DỠ HẢI AN

Địa chỉ: Tầng 7, số 45 Triệu Việt Vương, phường Bùi Thị Xuân, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ 4

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

	Tổng nợ	Từ 1 năm trở xuống	Trên 1 năm đến 5 năm	Trên 5 năm
Ngân hàng TMCP Tiên Phong Việt Nam - CN Hà Nội	28.471.578.840	7.117.894.879	21.353.683.961	
Ngân hàng TMCP Quân đội (iv)	7.476.163.695	1.495.180.920	5.980.982.775	
Cộng	188.958.999.915	46.629.880.069	142.329.119.846	-

Số đầu năm

Ngân hàng Bảo Việt - Hội Sở chính	105.929.711.210	38.129.251.080	67.800.460.130	
Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam - CN Hải Phòng	48.324.290.398	8.850.078.000	39.474.212.398	
Ngân hàng TMCP Tiên Phong Việt Nam - CN Hà Nội	32.065.500.000	5.062.973.785	27.002.526.215	
Cộng	186.319.501.608	52.042.302.865	134.277.198.743	-

Chi tiết số phát sinh về các khoản vay dài hạn như sau:

	Số đầu năm	Số tiền vay phát sinh trong năm	Tăng khác do CLTG	Số tiền vay đã trả trong năm	Kết chuyển sang vay và nợ ngắn hạn	Số cuối kỳ
Ngân hàng Bảo Việt - Hội Sở chính	67.800.460.130		3.009.753.727	13.823.355.440	25.727.919.267	31.258.939.150
Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam - CN Hải Phòng	39.474.212.398	67.500.000.000	2.060.087.562		25.298.786.000	83.735.513.960
Ngân hàng TMCP Tiên Phong Việt Nam - CN Hà Nội	27.002.526.215		1.353.789.465		7.002.631.719	21.353.683.961
Ngân hàng TMCP Quân đội	-	7.466.208.750	7.964.025		1.493.190.000	5.980.982.775
Cộng	134.277.198.743	74.966.208.750	6.431.594.779	13.823.355.440	59.522.526.986	142.329.119.846

19. Quỹ khen thưởng, phúc lợi

	Số đầu năm	Tăng do trích lập từ lợi nhuận	Chi quỹ trong năm	Số cuối kỳ
Quỹ khen thưởng	3.254.828.213	4.905.000.000	2.485.215.000	5.674.613.213
Quỹ thưởng Ban quản lý, điều hành	3.583.344.434	3.679.000.000	1.815.000.000	5.447.344.434
Cộng	6.838.172.647	8.584.000.000	4.300.215.000	11.121.957.647

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TÀI VÀ XẾ DỠ HẢI AN

Địa chỉ: Tầng 7, số 45 Triệu Việt Vương, phường Bùi Thị Xuân, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ 4

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

20. Vốn chủ sở hữu

20a. Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

	Vốn góp của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Cổ phiếu quỹ	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Cộng
Số đầu năm trước	231.962.320.000	38.385.998.922	(36.575.000.000)	22.193.875.604	59.385.708.875	315.352.903.401
Phát hành cổ phiếu quỹ trong năm	-	20.402.382.000	34.003.970.000	-	-	54.406.352.000
Lợi nhuận trong năm trước	-	-	-	-	126.209.330.587	126.209.330.587
Trích lập các quỹ	-	-	-	23.737.195.205	(29.275.874.086)	(5.538.678.881)
Chia cổ tức	-	-	-	-	(65.116.990.000)	(65.116.990.000)
Số dư cuối năm trước	231.962.320.000	58.788.380.922	(2.571.030.000)	45.931.070.809	91.202.175.376	425.312.917.107
Số dư đầu năm nay	231.962.320.000	58.788.380.922	(2.571.030.000)	45.931.070.809	91.202.175.376	425.312.917.107
Lợi nhuận trong năm nay	-	-	-	-	163.361.226.716	163.361.226.716
Trích lập các quỹ	-	-	-	36.791.000.000	(45.375.000.000)	(8.584.000.000)
Quyết toán lợi nhuận BCC năm 2014	-	-	-	-	101.412.610	101.412.610
Chia cổ tức	-	-	-	-	(72.567.387.000)	(72.567.387.000)
Số dư cuối năm nay	231.962.320.000	58.788.380.922	(2.571.030.000)	82.722.070.809	136.722.427.702	507.624.169.433

20b. Cổ phiếu

	Số cuối năm	Số cuối kỳ
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	23.196.232	23.196.232
Số lượng cổ phiếu đã phát hành	23.196.232	23.196.232
- Cổ phiếu phổ thông	23.196.232	23.196.232
- Cổ phiếu ưu đãi		
Số lượng cổ phiếu được mua lại	257.103	257.103
- Cổ phiếu phổ thông	257.103	257.103
- Cổ phiếu ưu đãi		
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	22.939.129	22.939.129
- Cổ phiếu phổ thông	22.939.129	22.939.129
- Cổ phiếu ưu đãi		

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND.

20c. Phân phối lợi nhuận

Trong năm Công ty đã phân phối lợi nhuận theo Nghị quyết Đại hội cổ đông thường niên năm 2015 số 0604-2015/NQ-ĐHĐCĐ ngày 24 tháng 4 năm 2015 như sau:

	VND
• Chia cổ tức cho các cổ đông	: 22.939.129.000
• Trích quỹ đầu tư phát triển	: 36.791.000.000

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI VÀ XẾP DỠ HẢI AN

Địa chỉ: Tầng 7, số 45 Triệu Việt Vương, phường Bùi Thị Xuân, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ 4

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Ngoài ra, Công ty cũng tạm ứng cổ tức năm 2015 cho các cổ đông với số tiền 45.878.258.000 VND theo Nghị quyết Hội đồng quản trị số 0208-2015/NQ-HĐQT ngày 10 tháng 8 năm 2015.

21. Các khoản mục ngoài Bảng cân đối kế toán

21a. Ngoại tệ các loại

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số cuối kỳ</u>
Dollar Mỹ (USD)	798.560,97	189.655,88
Euro (EUR)	46,02	46,11

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

1a. Tổng doanh thu

	<u>Quý 4</u>	
	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Doanh thu hoạt động cảng	65,015,036,703	50,842,337,519
Doanh thu hoạt động tàu	54,353,439,351	69,062,421,697
Cộng	119,368,476,054	119,904,759,216

1b. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ cho các bên liên quan

Ngoài các giao dịch về bán hàng và cung cấp dịch vụ cho các công ty con được trình bày ở thuyết minh số V.2, Công ty còn phát sinh các giao dịch về bán hàng và cung cấp dịch vụ cho các bên liên quan không phải là công ty con như sau:

	<u>Quý 4</u>	
	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Công ty Cổ phần Hàng Hải Macs		
Doanh thu cung cấp dịch vụ khai thác thác tàu	575,999,997	147,272,726
Chi nhánh Công ty Cổ phần Hàng Hải Macs tại Hải Phòng		
Doanh thu cung cấp dịch vụ khai thác thác tàu	59,545,454	19,727,274
Công ty Cổ phần Transimex Sài Gòn		
Doanh thu cung cấp dịch vụ khai thác thác tàu	1,763,909,083	2,046,636,361
Chi nhánh Công ty CP Transimex Sài Gòn tại Hà Nội		
Doanh thu cung cấp dịch vụ khai thác thác tàu	203,359,091	6,818,182
Công ty Cổ Phần Cung ứng và Dịch vụ Kỹ thuật Hàng hải		
Doanh thu về bán hàng hóa và cung cấp dịch vụ khác		600,000,000
Công ty Cổ Phần Hải Minh		

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI VÀ XẾP DỠ HẢI AN

Địa chỉ: Tầng 7, số 45 Triệu Việt Vương, phường Bùi Thị Xuân, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ 4

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Doanh thu cung cấp dịch vụ khai thác thác tàu <i>Công ty TNHH Đại lý và Tiếp vận Hải An</i>	1,683,181,816	732,181,818
Doanh thu cung cấp dịch vụ khai thác thác tàu <i>Công ty TNHH Vận tải và Đại lý Vận tải Đa phương thức</i>	4,302,028,413	10,178,943,457
Doanh thu cung cấp dịch vụ khai thác tàu	275,231,981	78,491,591
Doanh thu cung cấp dịch vụ khai thác cảng <i>Công ty TNHH Một thành viên Vận tải và Dịch vụ hàng hải Hải Phòng</i>	2,038,442,474	
Doanh thu cung cấp dịch vụ khai thác tàu	23,090,909	

2. Giá vốn hàng bán

	Quý 4	
	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Giá vốn của hoạt động cảng	11,412,615,939	5,220,886,376
Giá vốn của hoạt động tàu	41,861,243,010	64,969,663,244
Cộng	<u><u>53,273,858,949</u></u>	<u><u>70,190,549,620</u></u>

3. Doanh thu hoạt động tài chính

	Quý 4	
	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Lãi tiền gửi có kỳ hạn	1,126,255,974	1,007,997,830
Lãi tiền gửi không kỳ hạn	40,751,704	33,449,733
Lãi tiền cho vay	199,112,532	15,252,945
Lãi đầu tư chứng khoán		279,587,191
Cổ tức, lợi nhuận được chia	2,014,830,195	3,789,612,560
Lãi bán ngoại tệ		
Lãi chênh lệch tỷ giá phát sinh	276,355,469	60,959,540
Lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ		293,366,174
Cộng	<u><u>3,657,305,874</u></u>	<u><u>5,480,225,973</u></u>

4. Chi phí tài chính

	Quý 4	
	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Chi phí lãi vay	1,541,236,313	2,138,491,307
Lỗ chênh lệch tỷ giá phát sinh	777,765,820	82,284,778
- Lỗ chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	164,672,637	1,438,638,870
Cộng	<u><u>2,483,674,770</u></u>	<u><u>3,659,414,955</u></u>

5. Chi phí quản lý doanh nghiệp**Quý 4**

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TÀI VÀ XẾP DỠ HẢI AN

Địa chỉ: Tầng 7, số 45 Triệu Việt Vương, phường Bùi Thị Xuân, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ 4

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

	Năm nay	Năm trước
Chi phí cho nhân viên	1,943,134,947	1,371,320,698
Chi phí vật liệu quản lý	20,690,184	26,958,274
Chi phí đồ dùng văn phòng	45,133,743	26,134,319
Chi phí khấu hao tài sản cố định	165,207,154	96,229,881
Thuế, phí và lệ phí		3,244,670
Dự phòng phải thu khó đòi	(439,266,000)	32,966,722
Chi phí dịch vụ mua ngoài	520,838,150	504,524,502
Các chi phí khác	4,897,935,113	867,335,357
Cộng	7,153,673,291	2,928,714,423

6. Thu nhập khác

	Quý 4 Năm nay	Năm trước
Lãi thanh lý, nhượng bán tài sản cố định, bất động sản đầu tư	(409,090,909)	600,000,000
Tiền bồi thường	139,630,008	
Thu nhập khác	1,039,221	7,974,312
Cộng	(268,421,680)	607,974,312

7. Chi phí khác

	Quý 4 Năm nay	Năm trước
Lỗ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định	(409,090,909)	1,002,598,602
Thuế bị phạt, bị truy thu	141,284,177	1,033,352,090
Chi phí bồi thường	3,005,300	
Chi phí khác	1,427,979,882	49,807,424
Cộng	1,163,178,450	2,085,758,116

8. Lãi trên cổ phiếu

Thông tin về lãi trên cổ phiếu được trình bày trên Báo cáo tài chính hợp nhất.

VII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

1. Giao dịch và số dư với các bên liên quan

Các bên liên quan với Công ty bao gồm: các thành viên quản lý chủ chốt, các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt và các bên liên quan khác.

1a. Giao dịch và số dư với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt

Các thành viên quản lý chủ chốt gồm: các thành viên Hội đồng quản trị và các thành viên Ban điều hành (Ban Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng). Các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt là các thành viên mật thiết trong gia đình các thành viên quản lý chủ chốt.

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI VÀ XẾP DỠ HẢI AN

Địa chỉ: Tầng 7, số 45 Triệu Việt Vương, phường Bùi Thị Xuân, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ 4

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Giao dịch với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt

Công ty không phát sinh giao dịch bán hàng và cung cấp dịch vụ cho các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt và chỉ phát sinh các giao dịch sau với các thành viên Hội đồng quản trị và các thành viên Ban điều hành:

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Thù lao hội đồng quản trị, ban kiểm soát	306.000.000	306.000.000

Công nợ với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt

Công nợ với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt được trình bày tại các thuyết minh mục số V.

Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt

	<u>Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này</u>	
	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Tiền lương	1.490.582.736	1.163.000.000
Phụ cấp	291.600.000	37.800.000
Cộng	<u>1.782.182.736</u>	<u>1.200.800.000</u>

1b. Giao dịch và số dư với các bên liên quan khác

Các bên liên quan khác với Công ty gồm:

<u>Bên liên quan khác</u>	<u>Mối quan hệ</u>
Công ty TNHH Cảng Hải An	Công ty con
Công ty TNHH Vận tải biển Container Hải An	Công ty con
Công ty TNHH Đại lý và Tiếp vận Hải An	Công ty liên kết của Công ty con
Công ty Cổ phần Dịch vụ Tổng hợp Hải An	Công ty liên kết của Công ty con
Công ty Cổ phần Hàng Hải Macs	Cổ đông, thành viên chủ chốt là thành viên HĐQT của Công ty
Công ty Cổ phần Hải Minh	Cổ đông, thành viên chủ chốt là thành viên HĐQT của Công ty
Công ty Cổ phần Transimex Sài Gòn	Cổ đông lớn
Công ty Cổ phần Đầu tư và Vận tải Hải Hà	Cổ đông lớn
Công ty Cổ phần MHC	Cổ đông lớn
Công ty Cổ phần Cung ứng và Dịch vụ Kỹ thuật Hàng hải	Cổ đông lớn
Công ty TNHH Vận tải và Đại lý Vận tải Đa phương thức	Thành viên chủ chốt là thành viên HĐQT của Công ty
Công ty Cổ phần Hàng Hải Nam Dương	Thành viên chủ chốt là thành viên HĐQT của Công ty
Công ty TNHH Một thành viên Vận tải và Dịch vụ Hàng hải Hải Phòng	Công ty con của Công ty Cổ phần MHC - Cổ đông của Công ty

Giao dịch với các bên liên quan khác

Ngoài các giao dịch phát sinh với các công ty con đã được trình bày ở thuyết minh số V.2 cũng như các giao dịch về bán hàng và cung cấp dịch vụ cho các bên liên quan khác không phải là công ty

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI VÀ XẾP DỠ HẢI AN

Địa chỉ: Tầng 7, số 45 Triệu Việt Vương, phường Bùi Thị Xuân, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ 4

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

con đã được trình bày ở thuyết minh số VI.1b, Công ty còn phát sinh các giao dịch khác với các bên liên quan khác như sau:

	Quý 4	
	Năm nay	Năm trước
Công ty Cổ phần Hàng Hải Macs		
Thu tiền cung cấp dịch vụ	645,100,000	66,600,000
Trả cổ tức	2,062,500,000	2,062,500,000
Chi nhánh Công ty Cổ phần Hàng Hải Macs tại Hải Phòng		
Thu tiền cung cấp dịch vụ	97,900,000	12,400,000
Công ty Cổ phần Transimex Sài Gòn		
Thu tiền cung cấp dịch vụ	2,073,000,000	2,461,800,000
Phải trả về cung cấp dịch vụ khai thác tàu	7,640,907	
Trả cổ tức	11,312,500,000	11,312,500,000
Chi nhánh Công ty CP Transimex Sài Gòn tại Hà Nội		
Thu tiền cung cấp dịch vụ	396,674,500	
Thanh toán tiền dịch vụ	32,890,000	
Công ty Cổ Phần Đầu tư và Vận tải Hải Hà		
Cho vay		9,160,000,000
Thanh toán tiền dịch vụ	471,652,601	152,741,045
Phải trả về cung cấp dịch vụ khai thác tàu	270,820,000	
Phải trả về cung cấp dịch vụ khai thác cảng	250,182,468	134,360,152
Trả cổ tức	4,060,000,000	4,060,000,000
Công ty Cổ Phần Hải Minh		
Thu tiền cung cấp dịch vụ	1,880,100,000	805,400,000
Trả cổ tức	1,100,000,000	1,100,000,000
Công ty TNHH Đại lý và Tiếp vận Hải An		
Phải trả về cung cấp dịch vụ khai thác tàu	5,614,766,070	8,390,139,724
Thanh toán tiền dịch vụ	2,464,688,336	
Bù trừ công nợ	4,496,472,906	15,136,628,486
Công ty Cổ phần Dịch vụ Tổng hợp Hải An		
Phải trả về cung cấp dịch vụ khai thác tàu	237,777,909	115,136,363
Thanh toán tiền dịch vụ		205,080,000
Công ty TNHH Vận tải và Đại lý Vận tải Đa phương thức		
Phải trả về cung cấp dịch vụ	19,009,307	
Thu tiền cung cấp dịch vụ	173,193,439	3,028,435,324
Thanh toán tiền dịch vụ	19,209,241	
Trả cổ tức	400,440,000	453,440,000
Chi nhánh Công ty TNHH Vận tải và Đại lý vận tải Đa phương thức tại Hải Phòng		
Thu tiền cung cấp dịch vụ	2,097,664,781	92,709,750
Thanh toán tiền dịch vụ	105,930,000	
Phải trả về cung cấp dịch vụ khai thác tàu	59,100,000	

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI VÀ XẾP DỠ HẢI AN

Địa chỉ: Tầng 7, số 45 Triệu Việt Vương, phường Bùi Thị Xuân, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ 4

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Công ty TNHH Một thành viên Vận tải và Dịch vụ hàng hải Hải Phòng

Thu tiền cung cấp dịch vụ 39,100,000

Công ty CP hàng hải Nam Dương

Phải trả về cung cấp dịch vụ 10,000,000

Thanh toán tiền dịch vụ 11,000,000

Trả cổ tức 1,733,760,000 1,674,640,000

Công nợ với các bên liên quan khác

Công nợ với các bên liên quan khác được trình bày tại các thuyết minh phần V

2. Thông tin về bộ phận

Thông tin bộ phận được trình bày theo lĩnh vực kinh doanh và khu vực địa lý. Báo cáo bộ phận chính yếu là theo lĩnh vực kinh doanh dựa trên cơ cấu tổ chức và quản lý nội bộ và hệ thống Báo cáo tài chính nội bộ của Công ty.

2a. Thông tin về lĩnh vực kinh doanh

Công ty có các lĩnh vực kinh doanh chính sau:

- Lĩnh vực 01: Hoạt động khai thác cảng
- Lĩnh vực 02: Hoạt động khai thác tàu

Thông tin về kết quả kinh doanh, tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác và giá trị các khoản chi phí lớn không bằng tiền của bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh của Công ty như sau:

	Hoạt động khai thác cảng	Hoạt động khai thác tàu	Cộng
Năm nay			
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ ra bên ngoài	231,520,632,607	171,647,062,189	403,167,694,796
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ giữa các bộ phận			
Tổng doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	231,520,632,607	171,647,062,189	403,167,694,796
Kết quả kinh doanh theo bộ phận	168,309,927,800	34,510,609,082	202,820,536,882
Các chi phí không phân bổ theo bộ phận			(20,350,071,424)
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh			182,470,465,458
Doanh thu hoạt động tài chính			13,155,888,843
Chi phí tài chính			(12,594,632,906)
Thu nhập khác			234,943,021
Chi phí khác			(5,215,846,621)
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành			(14,689,591,079)
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại			
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp			163,361,226,716

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TÀI VÀ XẾP DỠ HẢI AN

Địa chỉ: Tầng 7, số 45 Triệu Việt Vương, phường Bùi Thị Xuân, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ 4

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

<i>Tổng chi phí đã phát sinh để mua tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác</i>	<i>23,274,951,494</i>	<i>144,223,634,625</i>	<i>167,498,586,119</i>
<i>Tổng chi phí khấu hao và phân bổ chi phí trả trước dài hạn</i>	<i>36,175,042,600</i>	<i>30,699,019,996</i>	<i>66,874,062,596</i>
<i>Tổng giá trị các khoản chi phí lớn không bằng tiền (trừ chi phí khấu hao và phân bổ chi phí trả trước dài hạn)</i>			
Năm trước			
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ ra bên ngoài	177,032,187,682	137,871,640,535	314,903,828,217
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ giữa các bộ phận		.	-
Tổng doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	177,032,187,682	137,871,640,535	314,903,828,217
Kết quả kinh doanh theo bộ phận	125,312,140,059	12,055,494,007	137,367,634,066
Các chi phí không phân bổ theo bộ phận			(8,238,472,135)
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh			129,129,161,931
Doanh thu hoạt động tài chính			8,471,663,869
Chi phí tài chính			(7,796,142,668)
Thu nhập khác			607,974,335
Chi phí khác			(1,493,083,281)
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành			(2,710,243,599)
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại			
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp			126,209,330,587
<i>Tổng chi phí đã phát sinh để mua tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác</i>	<i>92,081,713,932</i>	<i>188,592,330,142</i>	<i>280,674,044,074</i>
<i>Tổng chi phí khấu hao và phân bổ chi phí trả trước dài hạn</i>	<i>33,061,017,210</i>	<i>9,348,717,292</i>	<i>42,409,734,502</i>
<i>Tổng giá trị các khoản chi phí lớn không bằng tiền (trừ chi phí khấu hao và phân bổ chi phí trả trước dài hạn)</i>			
-			
Tài sản và nợ phải trả của bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh của Công ty như sau:			
	Hoạt động khai thác cảng	Hoạt động khai thác tàu	Cộng
Số cuối năm			
Tài sản trực tiếp của bộ phận	318,512,647,435	285,831,773,782	604,344,421,217

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TÀI VÀ XẾP DỠ HẢI AN

Địa chỉ: Tầng 7, số 45 Triệu Việt Vương, phường Bùi Thị Xuân, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ 4

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Tài sản phân bổ cho bộ phận	36,801,148,134	45,937,647,357	82,738,795,491
Các tài sản không phân bổ theo bộ phận			191,227,635,967
Tổng tài sản			878,310,852,675
Nợ phải trả trực tiếp của bộ phận	52,987,963,440	228,317,876,800	281,305,840,240
Nợ phải trả phân bổ cho bộ phận	2,618,709,539	56,665,777,458	59,284,486,997
Nợ phải trả không phân bổ theo bộ phận			30,096,356,005
Tổng nợ phải trả			370,686,683,242
Số đầu năm			
Tài sản trực tiếp của bộ phận	384,474,512,220	190,764,571,049	575,239,083,269
Tài sản phân bổ cho bộ phận	8,656,558,420	6,741,677,467	15,398,235,887
Các tài sản không phân bổ theo bộ phận		.	115,256,746,041
Tổng tài sản			705,894,065,197
Nợ phải trả trực tiếp của bộ phận	109,431,993,544	161,476,001,993	270,907,995,537
Nợ phải trả phân bổ cho bộ phận	564,666,613	439,759,081	1,004,425,694
Nợ phải trả không phân bổ theo bộ phận			8,668,726,859
Tổng nợ phải trả			280,581,148,090

2b. Thông tin về khu vực địa lý

Toàn bộ hoạt động của Công ty chủ yếu diễn ra trên lãnh thổ Việt Nam.

3. Số liệu so sánh

3a. Áp dụng chế độ kế toán mới

Như đã trình bày tại thuyết minh số III.1, từ ngày 01 tháng 01 năm 2015 Công ty đã áp dụng Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn Chế độ kế toán doanh nghiệp thay thế Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính và Thông tư số 244/2009/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2009 của Bộ Tài chính. Công ty đã trình bày lại các số liệu so sánh theo quy định của Chế độ kế toán doanh nghiệp mới này.

3b. Ảnh hưởng của việc áp dụng chế độ kế toán mới

Ảnh hưởng của việc áp dụng chế độ kế toán mới đến số liệu so sánh trên Báo cáo tài chính như sau:

	Mã số	Số liệu trước điều chỉnh	Các điều chỉnh	Số liệu sau điều chỉnh	Ghi chú
Bảng cân đối kế toán					
Đầu tư ngắn hạn	120	5.000.000.000	(5.000.000.000)		(i)
Phải thu cho vay ngắn hạn	135		5.000.000.000	5.000.000.000	(i)
Phải thu ngắn hạn khác	136	374.778.148	30.740.000	405.518.148	(ii)
Tài sản ngắn hạn khác	155	30.740.000	(30.740.000)		(ii)
Phải thu dài hạn khác	216		1.729.120.020	1.729.120.020	(iii)
Tài sản dài hạn khác	268	1.729.120.020	(1.729.120.020)		(iii)
Quỹ đầu tư phát triển	418	30.255.263.536	15.675.807.273	45.931.070.809	(iv)

(i) Đầu tư ngắn hạn và phải thu cho vay ngắn hạn

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TÀI VÀ XẾ DỠ HẢI AN

Địa chỉ: Tầng 7, số 45 Triệu Việt Vương, phường Bùi Thị Xuân, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ 4

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Do theo chế độ kế toán mới thì số liệu của chỉ tiêu đầu tư ngắn hạn trên Bảng CĐKT không bao gồm số dư khoản cho vay ngắn hạn (Sau đây được trình bày trên chỉ tiêu “phải thu cho vay ngắn hạn”).

- (ii) **Phải thu ngắn hạn khác và tài sản ngắn hạn khác**
Do theo chế độ kế toán mới thì số liệu của chỉ tiêu phải thu ngắn hạn khác trên Bảng CĐKT không bao gồm số dư Tài khoản tạm ứng (Trước đây trình bày trên chỉ tiêu “tài sản ngắn hạn khác”).
- (iii) **Phải thu dài hạn khác và tài sản dài hạn khác**
Do theo chế độ kế toán mới thì số liệu của chỉ tiêu phải thu dài hạn khác trên Bảng CĐKT bao gồm số dư Tài khoản ký quỹ, ký cược dài hạn (Trước đây trình bày trên chỉ tiêu “tài sản dài hạn khác”).
- (iv) **Quỹ đầu tư phát triển**
Do theo chế độ kế toán mới thì không còn chỉ tiêu Quỹ dự phòng tài chính trên Bảng CĐKT, công ty trình bày số dư của Quỹ dự phòng tài chính cộng vào số liệu của chỉ tiêu Quỹ đầu tư phát triển.

4. Quản lý rủi ro tài chính

Hoạt động của Công ty phát sinh các rủi ro tài chính sau: rủi ro tín dụng, rủi ro thanh khoản và rủi ro thị trường. Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm trong việc thiết lập các chính sách và các kiểm soát nhằm giảm thiểu các rủi ro tài chính cũng như giám sát việc thực hiện các chính sách và các kiểm soát đã thiết lập.

4a. Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong hợp đồng không có khả năng thực hiện được nghĩa vụ của mình dẫn đến tổn thất về tài chính cho Công ty.

Công ty có các rủi ro tín dụng phát sinh chủ yếu từ các khoản phải thu khách hàng, tiền gửi ngân hàng và cho vay.

Phải thu khách hàng

Khoản phải thu khách hàng của Công ty liên quan đến nhiều đơn vị và cá nhân nên rủi ro tín dụng tập trung đối với khoản phải thu khách hàng là thấp.

Để quản lý nợ phải thu khách hàng, Ban Tổng Giám đốc đã ban hành quy chế bán hàng với các quy định chặt chẽ về các đối tượng mua hàng, định mức bán hàng, hạn mức nợ và thời hạn nợ một cách cụ thể. Hàng tháng Ban Tổng Giám đốc thực hiện kiểm tra việc tuân thủ quy chế bán hàng này. Ngoài ra, nhân viên phòng kế toán thường xuyên theo dõi nợ phải thu để đôn đốc thu hồi.

Tiền gửi ngân hàng

Các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn và không có kỳ hạn của Công ty được gửi tại các ngân hàng trong nước. Ban Tổng Giám đốc không nhận thấy có rủi ro tín dụng trọng yếu nào từ các khoản tiền gửi này.

Các khoản cho vay

Công ty cho công ty con và bên liên quan vay tiền. Các đơn vị này đều có uy tín và khả năng thanh toán tốt nên rủi ro tín dụng đối với các khoản cho vay là thấp.

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TÀI VÀ XẾP DỠ HẢI AN

Địa chỉ: Tầng 7, số 45 Triệu Việt Vương, phường Bùi Thị Xuân, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ 4

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Mức độ rủi ro tín dụng tối đa đối với các tài sản tài chính là giá trị ghi sổ của các tài sản tài chính (xem thuyết minh số VII.5 về giá trị ghi sổ của các tài sản tài chính).

Bảng phân tích về thời gian quá hạn và giảm giá của các tài sản tài chính như sau:

	Chưa quá hạn hoặc chưa bị giảm giá	Chưa quá hạn nhưng bị giảm giá	Đã quá hạn nhưng không giảm giá	Đã quá hạn và/hoặc bị giảm giá	Cộng
Số cuối năm					
Tiền và các khoản tương đương tiền	149.754.819.697				149.754.819.697
Phải thu khách hàng	62.163.082.486			164.833.612	62.327.916.098
Các khoản cho vay	2.000.000.000				2.000.000.000
Các khoản phải thu khác	3.278.174.844				3.278.174.844
Tài sản tài chính sẵn sàng để bán	866.500				866.500
Cộng	217.196.943.527	-	-	164.833.612	217.361.777.139
Số đầu năm					
Tiền và các khoản tương đương tiền	70.148.304.209				70.148.304.209
Phải thu khách hàng	53.319.975.383			168.233.612	53.488.208.995
Các khoản cho vay	5.000.000.000				5.000.000.000
Các khoản phải thu khác	2.134.638.168				2.134.638.168
Tài sản tài chính sẵn sàng để bán	976.212.500				976.212.500
Cộng	131.579.130.260	-	-	168.233.612	131.747.363.872

4b. Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn khi thực hiện nghĩa vụ tài chính do thiếu tiền.

Rủi ro thanh khoản của Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn lệch nhau.

Công ty quản lý rủi ro thanh khoản thông qua các biện pháp: thường xuyên theo dõi các yêu cầu về thanh toán hiện tại và dự kiến trong tương lai để duy trì một lượng tiền cũng như các khoản vay ở mức phù hợp, giám sát các luồng tiền phát sinh thực tế với dự kiến nhằm giảm thiểu ảnh hưởng do biến động của luồng tiền.

Thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính phi phái sinh (bao gồm lãi phải trả) dựa trên thời hạn thanh toán theo hợp đồng và chưa được chiết khấu như sau:

	Từ 1 năm trở xuống	Trên 1 năm đến 5 năm	Trên 5 năm	Cộng
Số cuối năm				
Phải trả người bán	33.899.264.669			33.899.264.669
Vay và nợ	48.372.200.394	142.329.119.846		190.701.320.240
Chi phí phải trả	507.299.865			507.299.865
Các khoản phải trả khác	24.180.552.772	90.604.520.000		114.785.072.772
Cộng	106.959.317.700	232.933.639.846	-	339.892.957.546
Số đầu năm				
Phải trả người bán	19.471.210.881			19.471.210.881
Vay và nợ	56.434.623.190	134.277.198.743		190.711.821.933

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI VÀ XẾP DỠ HẢI AN

Địa chỉ: Tầng 7, số 45 Triệu Việt Vương, phường Bùi Thị Xuân, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ 4

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

	Từ 1 năm trở xuống	Trên 1 năm đến 5 năm	Trên 5 năm	Cộng
Chi phí phải trả	533.793.317			533.793.317
Các khoản phải trả khác	465.089.320	60.000.000.000		60.465.089.320
Cộng	76.904.716.708	194.277.198.743	-	271.181.915.451

Ban Tổng Giám đốc cho rằng mức độ rủi ro đối với việc trả nợ là thấp. Công ty có khả năng thanh toán các khoản nợ đến hạn từ dòng tiền từ hoạt động kinh doanh và tiền thu từ các tài sản tài chính đáo hạn.

4c. Rủi ro thị trường

Rủi ro thị trường là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường.

Rủi ro thị trường liên quan đến hoạt động của Công ty gồm: rủi ro ngoại tệ, rủi ro lãi suất, rủi ro về giá chứng khoán và rủi ro giá hàng hóa/nguyên vật liệu.

Các phân tích về độ nhạy, các đánh giá dưới đây liên quan đến tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2015 và ngày 31 tháng 12 năm 2014 trên cơ sở giá trị nợ thuần. Mức thay đổi của tỷ giá, lãi suất, giá chứng khoán, giá hàng hóa/nguyên vật liệu sử dụng để phân tích độ nhạy được dựa trên việc đánh giá khả năng có thể xảy ra trong vòng một năm tới với các điều kiện quan sát được của thị trường tại thời điểm hiện tại.

Rủi ro ngoại tệ

Rủi ro ngoại tệ là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của tỷ giá hối đoái.

Công ty mua tài sản, nhập khẩu nguyên vật liệu phục vụ cho sản xuất với đồng tiền giao dịch chủ yếu là USD do vậy bị ảnh hưởng bởi sự biến động của tỷ giá hối đoái.

Công ty quản lý rủi ro liên quan đến biến động của tỷ giá hối đoái bằng cách tối ưu thời hạn thanh toán các khoản nợ, dự báo tỷ giá ngoại tệ, duy trì hợp lý cơ cấu vay và nợ giữa ngoại tệ và VND, lựa chọn thời điểm mua và thanh toán các khoản ngoại tệ tại thời điểm tỷ giá thấp, sử dụng tối ưu nguồn tiền hiện có để cân bằng giữa rủi ro tỷ giá và rủi ro thanh khoản.

Công ty không sử dụng bất kỳ công cụ tài chính phái sinh để phòng ngừa rủi ro ngoại tệ.

Tài sản/(Nợ phải trả) thuần có gốc ngoại tệ của Công ty như sau:

	Số cuối kỳ			Số đầu năm	
	USD	EUR	JPY	USD	EUR
Tiền và các khoản tương đương tiền	798.560,97	46,02		189.655,88	46,11
Phải thu khách hàng	1.452.394,60			1.981.852,39	
Phải trả người bán	(8.386.009,39)			(8.715.887,11)	
Vay và nợ	(465.408,57)		(4.277.654,00)	(267.449,92)	
Tài sản/(Nợ phải trả) thuần có gốc ngoại tệ	(6.600.462,39)	46,02	(4.277.654,00)	(6.811.828,76)	46,11

Rủi ro do biến động của tỷ giá hối đoái giữa VND và EUR, USD, JPY đến lợi nhuận và vốn chủ sở hữu của Công ty là không đáng kể.

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TÀI VÀ XẾ DỠ HẢI AN

Địa chỉ: Tầng 7, số 45 Triệu Việt Vương, phường Bùi Thị Xuân, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ 4

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Rủi ro lãi suất

Rủi ro lãi suất là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường.

Rủi ro lãi suất của Công ty chủ yếu liên quan đến các khoản tiền gửi có kỳ hạn, các khoản cho vay và các khoản vay có lãi suất thả nổi.

Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình thị trường để đưa ra các quyết định hợp lý trong việc chọn thời điểm vay và kỳ hạn vay thích hợp nhằm có được các lãi suất có lợi nhất cũng như duy trì cơ cấu vay với lãi suất thả nổi và cố định phù hợp.

Các công cụ tài chính có lãi suất thả nổi của Công ty như sau:

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	VND	USD	VND	USD
Tiền và các khoản tương đương tiền	115.595.835.616	798.561	51.780.762.505	189.656
Vay và nợ		(8.386.009)		(8.715.887)
Tài sản/(Nợ phải trả) thuần	115.595.835.616	(7.587.448)	51.780.762.505	(8.526.231)

Công ty đánh giá mức độ ảnh hưởng do biến động của lãi suất các khoản vay VND và USD đến lợi nhuận sau thuế và vốn chủ sở hữu của Công ty là không đáng kể do các khoản vay có giá trị nhỏ.

Rủi ro về giá chứng khoán

Các chứng khoán do Công ty nắm giữ có thể bị ảnh hưởng bởi các rủi ro về giá trị tương lai của chứng khoán đầu tư. Công ty quản lý rủi ro về giá chứng khoán bằng cách thiết lập hạn mức đầu tư và đa dạng hóa danh mục đầu tư.

Ban Tổng Giám đốc đánh giá mức độ ảnh hưởng do biến động của giá chứng khoán đến lợi nhuận và vốn chủ sở hữu của Công ty là không đáng kể.

Rủi ro về giá nguyên vật liệu

Công ty có rủi ro về sự biến động của giá nguyên vật liệu. Công ty quản lý rủi ro về giá nguyên vật liệu bằng cách theo dõi chặt chẽ các thông tin và tình hình có liên quan của thị trường nhằm quản lý thời điểm mua hàng, kế hoạch sản xuất và mức hàng tồn kho một cách hợp lý.

Công ty chưa sử dụng các công cụ phái sinh đảm bảo để phòng ngừa các rủi ro về giá nguyên vật liệu.

4d. Tài sản đảm bảo

Công ty không có tài sản tài chính thế chấp cho các đơn vị khác cũng như nhận tài sản thế chấp từ các đơn vị khác tại ngày 31 tháng 12 năm 2015 và tại ngày 31 tháng 12 năm 2014.

5. Tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính

Tài sản tài chính

Giá trị ghi sổ của các tài sản tài chính như sau:

Số cuối kỳ

Số đầu năm

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TÀI VÀ XẾP DỠ HẢI AN

Địa chỉ: Tầng 7, số 45 Triệu Việt Vương, phường Bùi Thị Xuân, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ 4

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

	<u>Giá gốc</u>	<u>Dự phòng</u>	<u>Giá gốc</u>	<u>Dự phòng</u>
Tiền và các khoản tương đương tiền	149.754.819.697		70.148.304.209	
Phải thu khách hàng	62.327.916.098	164.833.612	53.488.208.995	115.383.528
Các khoản cho vay	2.000.000.000		5.000.000.000	
Các khoản phải thu khác	3.278.174.844		2.134.638.168	
Tài sản tài chính sẵn sàng để bán	866.500		976.212.500	
Cộng	217.361.777.139	164.833.612	131.747.363.872	115.383.528

Nợ phải trả tài chính

Giá trị ghi sổ của nợ phải trả tài chính như sau:

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Phải trả người bán	33.899.264.669	19.471.210.881
Vay và nợ	190.701.320.240	190.711.821.933
Chi phí phải trả	507.299.865	533.793.317
Các khoản phải trả khác	114.785.072.772	60.465.089.320
Cộng	339.892.957.546	271.181.915.451

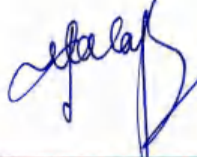
Giá trị hợp lý

Công ty chưa xác định được giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính do Thông tư số 210/2009/TT-BTC ngày 06 tháng 11 năm 2009 của Bộ Tài chính cũng như các quy định hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể.

6. Các Sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính

Không có sự kiện trọng yếu nào phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính yêu cầu phải điều chỉnh số liệu hoặc công bố trên Báo cáo tài chính.


Trần Thị Thanh Hảo
Người lập biểu


Phạm Thị Hồng Nhung
Kế toán trưởng



Lập, ngày 02 tháng 02 năm 2016

Tạ Mạnh Cường
Tổng Giám đốc